

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2015



ĐỒNG NAI - NĂM 2015

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2015

Thông tin người dự thi:

Họ và tên: MẠC THỊ TRANG

Ngày sinh: 08/10/1992

Nơi ở hiện nay: 161 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Đơn vị công tác: Phòng PV27 – Công an tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0937783797

Email: mactrang77@gmail.com

ĐỒNG NAI - NĂM 2015

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thuộc Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 5.862,37 km² (bằng 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ). Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương; phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có tất cả 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Biên Hoà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh, thị xã Long Khánh và 9 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Trảng Bom.

Từ khi thành lập tỉnh Đồng Nai (năm 1976) cho đến nay, mặc dù gặp không ít khó khăn, thách thức do tình hình thế giới có nhiều biến động, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, song dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh đã nỗ lực, phấn đấu thực hiện Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh, đạt được những thành tựu rất quan trọng và khá toàn diện. Nền kinh tế đã vượt qua khó khăn và phát triển theo đúng định hướng; Việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển mang lại hiệu quả đáng kể; Hoạt động tài chính, tín dụng ổn định; Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường; Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, các biện pháp đảm bảo an sinh xã hội đạt kết quả khá tích cực; Công tác xây dựng Đảng, công tác dân vận đạt nhiều kết quả quan trọng; Công tác cải cách hành chính có chuyển biến mới; Giáo dục - đào tạo, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao có tiến bộ; Quốc phòng, an ninh được tăng cường; Công tác cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt được những kết quả nhất định; Các nhiệm vụ đột phá về phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học – công nghệ, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, thu hút đầu tư các dự án công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp hỗ trợ, xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo và đạt kết quả khá...

Nhằm tuyên truyền, giáo dục cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trên địa bàn tỉnh hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành và phát triển của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Ban Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai tổ chức Hội thi tìm hiểu giá trị văn

hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2015. Với chủ đề “tìm hiểu lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai”, Hội thi là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, có tác dụng giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng đối với toàn thể cán bộ đảng viên, học sinh, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân; là một trong những hoạt động chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa – lịch sử của tỉnh nhà, nâng cao hơn nữa niềm tin và lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh, cổ vũ quyết tâm của mọi công dân trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai ngày càng giàu mạnh.

Là một cán bộ đang công tác tại Công an tỉnh Đồng Nai, nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của Hội thi, nhận thức rõ ý nghĩa, mục đích và trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2015, bản thân đã đầu tư nghiên cứu, sưu tầm tư liệu, hình ảnh về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai để tham gia Hội thi này với nội dung dự thi như sau:

Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội?

Hơn hai phần ba thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Đồng Nai đã một lòng đi theo Đảng, chiến đấu kiên cường, giành được nhiều thắng lợi vẻ vang góp phần xứng đáng cùng toàn dân viết lên những trang sử vàng chói lọi: Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, đã và đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Đồng Nai là tỉnh miền Đông Nam bộ có vị trí chiến lược trọng yếu về quân sự và kinh tế. Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mảnh đất này là nơi đưng đầu quyết liệt, nơi diễn ra cuộc đấu tranh liên tục và toàn diện giữa ta và địch. Những địa danh lịch sử như: Chiến khu Đ, chiến khu rừng Sác, các chiến thắng La Ngà, sân bay Biên Hòa, Xuân Lộc... gắn liền với những chiến công vang dội, là niềm tự hào của quân dân Đồng Nai và cả nước. Cũng trên mảnh đất này đã sản sinh ra hàng nghìn, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đồng chí kiên trung bất khuất, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như một điểm son ngời sáng.

Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, Đảng bộ Đồng Nai ngày càng lớn mạnh và trưởng thành. Trải qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, tổ chức Đảng vẫn còn tồn tại giữa lòng dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành quả đó là kết tinh của bao xương máu, mồ hôi, nước mắt của nhiều thế hệ đồng bào, đồng chí trong tỉnh và đã trở thành truyền thống hào hùng, là tài sản vô giá của địa phương. Qua đây, tác giả mong muốn điểm lại những mốc son lịch sử của Đảng bộ Đồng Nai qua các thời kỳ từ khi mới được thành lập cho đến khi Đảng bộ Đồng Nai trưởng thành qua các kỳ Đại hội, có nhiều đóng góp cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Sự thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chế độ quản lý hành chính theo bốn cấp: Trung ương, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện và xã. Để bảo đảm thống nhất sự lãnh đạo sát với tình hình thực tế ở miền Nam, các Bộ, Ủy ban, Tổng cục, các Ban ở Trung ương phải nắm chắc tình hình của ngành mình, thực hiện chức năng chỉ đạo thực hiện về quản lý ngành, báo cáo và xin chỉ thị một cách nghiêm túc đối với Trung ương Đảng và Chính phủ. Giải thể Trung ương Cục miền Nam, giải thể các Khu uỷ ở cả hai miền, đồng thời, thành lập Ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, một hình thức tổ chức làm việc để thực hiện sự chỉ đạo tại chỗ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ. Hợp nhất các tỉnh thành những đơn vị hành chính – kinh tế với quy mô cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng, ngày 20/9/1975, Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết 16/TƯC nhằm quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới ở miền Nam và sớm đi đến thống nhất quản lý Nhà nước. Đầu tháng 01/1976, Trung ương ra quyết định thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh: Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có diện tích 8.360 km², giáp các tỉnh Sông Bé, Thuận Hải, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai bao gồm thành phố Biên Hoà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh và các huyện: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Long Đất, Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Duyên Hải, thị xã Vũng Tàu. Ngày 30/4/1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai ra Nghị quyết 06 thành lập huyện Xuyên Mộc tách ra từ huyện Long Đất. Ngày 29/12/1976, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá VI đã quyết định cắt huyện Duyên Hải nhập về Thành phố Hồ Chí Minh (nay gọi là huyện Cần Giờ).

Ngày 06/01/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Đồng Nai gồm có 39 uỷ viên chính thức và 5 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 11 đồng chí: Đ/c Lê Quang Chử được chỉ định là Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Phạm Văn Hy, Nguyễn Văn Lá (Sáu Trung) là Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Các Ban trực thuộc Tỉnh uỷ được thành lập gồm Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Ban Kinh tế, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Báo Đồng Nai, Đài phát thanh Đồng Nai.

Các Ban tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất gọi là Ty, gồm có các Ty: Giáo dục, Văn hoá Thông tin, Công nghiệp, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thương nghiệp, Thủy lợi, Thương binh Lao động, Y tế, Giao thông Vận tải, Lương thực, Tài chính. Các đơn vị ngang Ty có Uỷ ban Kế hoạch, Uỷ ban Vật giá, Ban Cải tạo Công Thương nghiệp...

Đảng bộ Đồng Nai gồm 10 Đảng bộ huyện, thị, thành phố Biên Hoà và các Đảng bộ trực thuộc gồm: Đảng bộ Liên cơ Dân – Chính – Đảng, Đảng bộ Khu Công nghiệp Biên Hoà, Đảng bộ Công ty Cao su, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Quân sự, Đảng bộ Trường Bỏ túc văn hoá, Đảng bộ Trường Kỹ thuật Tân Mai, Đảng bộ Trường Du lịch (Vũng Tàu). Toàn Đảng bộ có 231 chi, Đảng bộ cơ sở với 1.482 đảng viên, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng dân số.

Các tổ chức thuộc khối vận, các đoàn thể cách mạng được chỉ định thành lập gồm: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (đồng chí Nguyễn Thành Long làm Chủ tịch), Công đoàn (đồng chí Nguyễn Thị Minh làm Chủ tịch), Hội Phụ nữ (đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết làm Chủ tịch), Đoàn Thanh niên (đồng chí Nguyễn Việt Nhân làm Bí thư), Hội Nông dân tập thể (đồng chí Nguyễn Văn Nghiệp làm Thư ký).

Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể cách mạng của tỉnh Đồng Nai được thành lập, tạo thành một hệ thống chuyên chính cách mạng hoàn chỉnh. Tỉnh Đồng Nai trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều lần tách, nhập theo yêu cầu của kháng chiến nhưng vẫn là một chiến trường. Hầu hết cán bộ, đảng viên, trước đây đã cùng nhau chiến đấu, hiểu biết lẫn nhau, nay cùng sinh hoạt trong một Đảng bộ, cùng đoàn kết gắn bó, đó là điều kiện thuận lợi để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo nhiệm vụ mới của cách mạng: xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Để cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội giành thắng lợi và thực sự là cuộc vận động có ý nghĩa chính trị rộng lớn, ngày 03/01/1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về việc lãnh đạo Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Chỉ thị khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử: “Đây là một cuộc biểu

dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”. Vì vậy, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong quần chúng nhân dân. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ Đảng, toàn thể đảng viên phải coi việc chuẩn bị bầu cử Quốc hội và lãnh đạo cuộc bầu cử trong cả nước là một nhiệm vụ hàng đầu cho đến hết tháng 4/1976. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 02/1976, công tác tuyên truyền vận động nhân dân được triển khai trong cả nước.

Đảng bộ Đồng Nai sau khi thành lập đã triển khai ngay kế hoạch chỉ đạo chuẩn bị bầu cử Quốc hội thống nhất. Tỉnh uỷ đã huy động 200 cán bộ tham dự các lớp tập huấn từ 2 đến 5 ngày về công tác thông tin, tuyên truyền cho ngày bầu cử Quốc hội thống nhất. Đồng thời, Tỉnh uỷ chỉ đạo các huyện, thị, thành phố Biên Hoà triển khai công tác điều tra dân số, lập các biểu mẫu, chuẩn bị danh sách và thẻ cử tri cho ngày hội bầu cử, triển khai công tác an ninh chặt chẽ đảm bảo cuộc bầu cử thành công. Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức hiệp thương dân chủ giới thiệu các đại biểu ưu tú vào danh sách ứng cử Quốc hội ở đơn vị tỉnh. Theo số liệu điều tra dân số, đến ngày 31/3/1976, toàn tỉnh Đồng Nai có 1.223.683 dân, trong đó có 41.788 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Tính đến trước ngày bầu cử, qua hệ thống thông tin đại chúng (báo, đài) và tuyên truyền trực tiếp ở cơ sở, toàn tỉnh Đồng Nai có 1.200.000 lượt quần chúng và 600.000 cử tri được học tập về ý nghĩa, mục đích và luật bầu cử. Trong đó, có 80.000 người là công chức, binh lính Sài Gòn được trả quyền công dân tham gia cuộc bầu cử.

Sáng ngày 25/4/1976, trên toàn tỉnh Đồng Nai, từ thành thị đến nông thôn rực rỡ cờ đỏ sao vàng chào đón sự kiện chính trị trọng đại. Đúng 30 năm kể từ ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên (06/01/1946), nhân dân Đồng Nai lại được cầm lá phiếu tự do bầu những đại biểu có đức, có tài của tỉnh vào Quốc hội thống nhất đầu tiên của đất nước độc lập. Cuộc bầu cử diễn ra trong không khí phấn khởi, đảm bảo an ninh. Tính đến 19 giờ cùng ngày 25/4/1976, toàn tỉnh Đồng Nai có 97% cử tri đi bầu cử, trong đó cử tri ở vùng đồng bào có đạo Công giáo

chiếm trên 90%. 13 đại biểu của tỉnh Đồng Nai đã trúng cử vào Quốc hội nước Việt Nam thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất ở Đồng Nai thể hiện tinh thần, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn lựa từ năm 1930.

Từ ngày 24/6 đến ngày 02/7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội. Quốc hội tuyên bố nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, miền Nam phải đồng thời cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cho thấy được ngay từ ngày mới thành lập, Đảng bộ Đồng Nai đã nhận thức được tầm quan trọng của mình qua đó luôn có những chỉ đạo, bước đi đúng đắn từ đó có những đóng góp to lớn trong các sự kiện chính trị của đất nước mà tiêu biểu là góp phần cho sự thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 03/01/1976 nói riêng và tiến trình xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giàu mạnh nói chung.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I (năm 1976)

Ngày 20/10/1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai thành lập Ban Tổ chức Đại hội (theo Thông báo số 356/TVTU) gồm 10 đồng chí. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I được tiến hành 2 vòng. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 1) tiến hành từ ngày 11 đến 21/11/1976 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu chính thức gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 7 Đảng bộ trực thuộc và 509 chi bộ, Đảng bộ cơ sở. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 6 đến ngày 10/4/1977 tại thành phố Biên Hoà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 2) đã được tổ chức.



Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ I

- Bối cảnh

Diễn ra trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đã đạt được thắng lợi. Hai miền Nam Bắc thống nhất sau hơn 20 năm chia cắt từ Hiệp định Geneve 1954, đất nước bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, cụ thể là thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 – 1980).

- Hoạt động

Đại hội tiến hành đánh giá, kiểm điểm những thành tựu đạt được về các mặt sau một năm cải tạo và xây dựng, biểu dương những đóng góp của quân dân Đồng Nai qua một năm khắc phục những hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình và phát triển sản xuất. Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, chăm lo đời sống tinh thần, sức khoẻ của nhân dân đạt những kết quả nhất định. Trạm xá y tế phát triển khắp các xã. Hệ thống báo, đài phát thanh, thư viện góp phần làm cho nhân dân hiểu rõ đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, xây dựng nếp sống mới.

Đại hội (vòng 2 từ ngày 06 đến 10/4/1977) nhất trí nhận định sau hơn một năm kể từ ngày giải phóng, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ Đồng Nai đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, giành được thắng lợi một số mặt về khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, đưa tình hình của tỉnh phát triển hoà nhịp chung với sự phát triển chung của cả nước.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ I (1976 – 1978) gồm 41 người (có 2 uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí

thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 13 đồng chí đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I
(Theo Quyết định số 175NQ-NS/TU ngày 03/6/1977
của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Lê Quang Chử | Bí thư |
| 2 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | Phó Bí thư |
| 3 | Nguyễn Văn Trung | Phó Bí thư |
| 4 | Nguyễn Hoan | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Lê Quang Thành | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Lê Minh Hà | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Nguyễn Văn Hòa | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Hoàng Vĩnh Phú | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Nguyễn Đăng Mai | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Nguyễn Hoàng Vân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Nguyễn Thị Minh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Nguyễn Văn Thông | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 13 | Lê Minh Nguyên | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Đỗ Đông Kinh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15 | Võ Văn Ấn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 16 | Nguyễn Hoàng Nam | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Võ Văn Vân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Huỳnh Văn Đẩu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Nguyễn Lan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Đặng Công Hậu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Lê Tư Huyền | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Vũ Khánh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Hồ Sĩ Hành | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Võ Tấn Vịnh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Nguyễn Văn Nghiệp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Trần Văn Cường | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Lê Tấn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Phan Cao Tường | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 29 | Hà Đình Bảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Lê Đức Sanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Lê Thị Huệ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 32 | Nguyễn Tấn Chiến | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Lê Đình Nghiệp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Võ Văn Định | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Trần Văn Thi | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Nguyễn Việt Trân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Huỳnh Thị Phương | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Nguyễn Hoàng Sâm | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Vũ Tâm | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Huỳnh Văn Bình | Ủy viên dự khuyết |
| 41 | Trần Thị Minh Hoàng | Ủy viên dự khuyết |

- Mục tiêu

Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong hai năm (1977–1978): Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước khẩn trương xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh. Cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt). Trong công tác xây dựng Đảng, xuất phát từ đặc điểm tình hình của một địa phương vừa giải phóng, Đại hội xác định: “Đi đôi với nâng cao chất lượng, phải phát triển chi bộ ở những nơi chưa có. Những xã, phường, xí nghiệp, nông trường phân đấu có chi bộ từ 30 đảng viên trở lên. Phân đấu có chi bộ hoặc tổ Đảng ở các cấp phân xưởng, đội sản xuất”. Nghị quyết Đại hội đề ra phương hướng, xây

dụng Đảng: “Việc phát triển đảng viên phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, thủ tục”.

Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất là sự vận dụng Nghị quyết Đại hội IV của Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh. Với những kết quả đã đạt được sau gần 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1976–1980).

- Ý nghĩa

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, lần đầu tiên tổ chức sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, qua đó xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ trong thời gian tới nhằm từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng tỉnh Đồng Nai nói riêng và xây dựng đất nước nói chung.

3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II (năm 1979)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II họp từ ngày 10 đến ngày 12/7/1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ 2

- Bối cảnh

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II được diễn ra trong bối cảnh cả nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng đang ra sức phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đồng thời góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Trong khi đó, những thế lực thù địch không ngừng ra sức phá hoại công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nhiều mặt điển hình là quân Khmer đỏ do Pôn Pốt – Iêng Xary cầm đầu đã thi hành chính sách thù địch với Việt Nam. Chúng mở cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây – Nam nước ta. Đồng Nai trở thành hậu phương trực tiếp của cuộc chiến tranh biên giới Tây – Nam.

- Hoạt động

Đại hội đã kiểm điểm, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ, phương hướng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976–1980).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá II) gồm 43 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá II

(Theo Quyết định số 943 NQ-NS/TU ngày 29/9/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Lê Quang Chử | Bí thư |
| 2 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | Phó Bí thư |
| 3 | Nguyễn Văn Trung | Phó Bí thư |
| 4 | Phạm Văn Hy | Phó Bí thư |
| 5 | Nguyễn Đăng Mai | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Nguyễn Hoàng Vân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Hoàng Vĩnh Phú | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Lê Minh Nguyên | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Lê Tư Huyền | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Nguyễn Hoàng Nam | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Lê Minh Hà | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Nguyễn Hải | Ủy viên Ban Thường vụ |

| | | |
|----|----------------------|-----------------------|
| 13 | Nguyễn Thị Bình Minh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Trần Văn Cường | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15 | Hà Đình Bảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 16 | Huỳnh Ngọc Đẩu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Huỳnh Văn Bình | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Vũ Khánh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Nguyễn Việt Trân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Võ Văn Vân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Lê Thị Huệ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Lê Tấn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Đặng Văn Huệ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Nguyễn Tấn Chiến | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Lê Hữu Sanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Trần Văn Quyên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Phạm Văn Nà | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Võ Văn Lượng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Nguyễn Việt Nhân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Lê Đình Nghiệp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Hồ Sĩ Hành | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 32 | Võ Tấn Vịnh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Trần Đệ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Nguyễn Hào Đức | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Nguyễn Văn Nghiệp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Phạm Sơn Tông | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Phạm Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Lâm Hiếu Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Nguyễn Văn Thảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Lê Văn Việt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Nguyễn Thị Ngọc Liên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Nguyễn Công Sự | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Nguyễn Hoan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Huỳnh Công Trạch | Ủy viên dự khuyết |
| 45 | Huỳnh Thị Phượng | Ủy viên dự khuyết |

- Mục tiêu

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của đất nước cũng như tình hình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai lúc bấy giờ; quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV. Xác định năm 1979 – 1980 đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch 5 năm (1976 – 1980), Đại hội Đảng bộ lần thứ II đã đề ra 6 mục tiêu chủ yếu:

+ Một là, ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm;

+ Hai là, làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới;

+ Ba là, tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống;

+ Bốn là, hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân;

+ Năm là, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm;

+ Sáu là, ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

- Ý nghĩa

Qua Đại hội đã nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy những thế mạnh của địa phương, định hướng cho việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, nhất là phát triển toàn diện, vượt bậc sản xuất nông nghiệp, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng an ninh Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển những năm sau.

4. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III (năm 1982)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III được tiến hành 2 vòng. Đại hội (vòng 1) bắt đầu từ ngày 07 đến ngày 16/01/1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 2 đại biểu do Trung ương cử về). Từ ngày 24 đến ngày 28/01/1983, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2). Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III

- Bối cảnh

Bước vào những năm cuối của thập kỷ 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta ngày càng lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong đời sống kinh tế, văn hoá và an toàn xã hội, có những biểu hiện tiêu cực kéo dài; trên một số mặt, trận địa xã hội chủ nghĩa bị những nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa lấn át. Nguyên nhân là do hậu quả của cuộc chiến tranh chống Mỹ chưa khắc phục triệt để thì đất nước lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc, cả nước luôn luôn phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù và do những sai lầm, chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội; thêm vào đó mấy năm liên tiếp xảy ra thiên tai, mất mùa.

Tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai còn gặp không ít khó khăn, có mặt gay gắt. Sản xuất tuy có bước phát triển nhưng còn thấp, chưa ổn định. Lương thực, thực phẩm chưa bảo đảm ổn định, thuốc chữa bệnh và một số mặt hàng thiết yếu khác còn thiếu. Chất lượng các hoạt động văn hoá, xã hội chậm được nâng cao. Hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và trong đời sống văn hoá xã hội vẫn còn tồn tại. Công tác quản lý kinh tế - xã hội chưa được cải tiến và tăng cường đúng mức. Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp tuy đã được khắc phục từng bước nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc, tình trạng bảo thủ trì trệ vẫn còn nặng, công tác điều hành chưa đồng bộ, hiệu lực còn thấp.

- Hoạt động

Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đại hội đã cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Báo cáo chính trị, đặc biệt nhất trí cao về việc khẳng định đường lối chung cũng như đường lối kinh tế của dự thảo văn kiện. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm 11 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 24 đến ngày 28/01/1983, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2). Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Lê Duẩn – Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội. Sự hiện diện của Tổng Bí thư là nguồn cổ vũ, động viên thiết thực thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với Đại hội.

Nhiệm vụ của Đại hội là kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II; thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo kế hoạch Nhà nước năm 1983 và đề ra nhiệm vụ trong hai năm (1983–1985), Báo cáo xây dựng Đảng.

Đại hội đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã thu được những thành tích nhất định và có ý nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng. Bên cạnh những thành tích và kết quả đạt được, Đại hội đã nghiêm túc thừa nhận trong bước đi ban đầu thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, Đảng bộ còn nhiều thiếu sót, nhất là trong quản lý kinh tế. Các hoạt động văn hoá - xã hội chưa phối hợp chặt chẽ, sâu sắc đối với

sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới, con người mới. Công tác xây dựng, củng cố và tăng cường cơ sở tiến hành còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) gồm 45 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) đã bầu 15 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đồng chí Lê Quang Chữ được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá III
(Theo Quyết định số 414 NQ-NS/TU ngày 12/4/1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ |
|-----|----------------------|-----------------------|
| 1 | Lê Quang Chữ | Bí thư |
| 2 | Nguyễn Văn Trung | Phó Bí thư |
| 3 | Lê Thành Ba | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4 | Lê Tư Huyền | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Hoàng Vĩnh Phú | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Nguyễn Hoàng Nam | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Nguyễn Việt Nhân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Phạm Văn Nà | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Lê Đình Nghiệp | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Huỳnh Văn Bình | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Huỳnh Ngọc Đẩu | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Trần Đệ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 13 | Nguyễn Văn Thông | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Liên | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 15 | Võ Văn Định | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 16 | Nguyễn Văn A | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Lê Thành Bá | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Trần Văn Cường | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Nguyễn Tấn Chiến | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Nguyễn Văn Động | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Nguyễn Hải | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Phạm Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 23 | Trần Thị Minh Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Lê Thị Huệ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Trần Sĩ Huân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Nguyễn Thanh Hùng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Trần Văn Khánh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Nguyễn Lan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Dương Duy Nhất | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Nguyễn Trung Phương | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Võ Minh Quang | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 32 | Trần Văn Quyến | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Lê Hữu Sanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Tạ Hồng Sinh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Phạm Thị Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Phạm Điền Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Nguyễn Công Sự | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Đặng Văn Tiếp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Trần Văn Thi | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Nguyễn Việt Trân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Lâm Hiếu Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Phan Cao Tường | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Lê Bá Ước | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Lê Văn Việt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 45 | Võ Tấn Vịnh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 46 | Vũ Tâm | Ủy viên dự khuyết |

- Mục tiêu

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội đã nêu phương hướng, nhiệm vụ kinh tế – xã hội từ năm 1983 đến năm 1985 từ đó xác định các mục tiêu chung về kinh tế - xã hội từ năm 1983 đến năm 1985:

+ Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

+ Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

+ Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

+ Phân đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hoá xã hội.

+ Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao.

+ Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

- Ý nghĩa

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III là đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc, dân chủ rộng rãi trong Đảng. Đại hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân trong tỉnh. Qua Đại hội xác định đúng đắn mục tiêu, nhiệm vụ trong thời gian tới; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tiếp tục phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

5. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV (năm 1986)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV họp từ ngày 20/10 đến ngày 26/10/1986. Về dự Đại hội có 447 đại biểu thay mặt cho trên 12.000 đảng viên của Đảng bộ 7 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố và 10 Đảng uỷ trực thuộc.

- Bối cảnh

+ Bối cảnh quốc tế: Từ những năm của thập kỷ 80 thế kỷ trước, thế giới chứng kiến những quá trình mới diễn ra đang làm thay đổi mọi mặt đời sống kinh tế - chính trị và xã hội nhân loại. Toàn cầu hoá kinh tế trở thành xu thế nổi bật và tất yếu chi phối thời đại; không ngoại trừ một quốc gia, dân tộc nào, nếu muốn phát triển bắt buộc phải mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với toàn cầu hoá kinh tế, cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới lần thứ 3 diễn ra với nhịp độ ngày càng mạnh mẽ, mà cốt lõi là dựa trên việc ứng dụng các phát minh khoa học công nghệ, phát triển các ngành công nghệ cao, như công nghệ truyền thông và tin học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học...

+ Bối cảnh trong nước: Sau khi đất nước giải phóng cho tới năm 1985, cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp và mô hình công nghiệp

hoá xã hội chủ nghĩa kiểu Xô Viết đã được áp dụng rộng rãi trên cả nước. Mặc dù có nhiều nỗ lực trong xây dựng và phát triển kinh tế, nhất là tập trung cho công nghiệp hoá, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Nhưng nền kinh tế nói chung và sản xuất công nghiệp vẫn tăng chậm, hơn nữa, có xu hướng giảm sút và rơi vào khủng hoảng. Trong khi nguồn viện trợ của bên ngoài, các nguồn vốn và hàng hoá vật tư, nguyên liệu và hàng hoá tiêu dùng đã bị cắt giảm đáng kể, lại thêm bao vây cấm vận của đế quốc Mỹ ngăn cản Việt Nam bình thường hoá quan hệ với thế giới.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV

- Hoạt động

Theo sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đại hội thảo luận, góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương sẽ trình tại Đại hội VI, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, bàn phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và biện pháp thực hiện trong giai đoạn 1986-1990 và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Tầm quan trọng của Đại hội IV là ở chỗ từ những tư tưởng và quan điểm mới của Đảng trong lãnh đạo toàn diện nói chung, Đảng bộ Đồng Nai phải đề ra được những bước đi cụ thể, những biện pháp có hiệu quả, thiết thực

để làm cho tình hình sản xuất của địa phương phát triển, phát huy tốt các khả năng hiện có để thúc đẩy kinh tế có những bước phát triển mới, ổn định tình hình, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh quốc phòng, tạo tích lũy cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của tỉnh.

Đại hội thông qua báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III, khẳng định những thành tựu đã đạt được trong 05 năm (1981–1985) về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng của tỉnh trong tình hình chung có nhiều khó khăn. Đó là thắng lợi quan trọng, có ý nghĩa làm cơ sở cho việc thực hiện nhiệm vụ trong 05 năm tiếp theo.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 45 uỷ viên chính thức và 13 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Phạm Văn Hy được Đại hội bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội cũng đã bầu ra đoàn đại biểu gồm 15 đồng chí đi dự Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ khóa IV

(Theo Quyết định số 1390 NQ-NS/TU ngày 6/12/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|-----------------------|
| 1 | Phạm Văn Hy | Bí thư |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Liên | Phó Bí thư |
| 3 | Lê Thành Ba | Phó Bí thư |
| 4 | Phạm Văn Nà | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Nguyễn Văn Động | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Huỳnh Văn Bình | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Trần Thị Minh Hoàng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Phan Văn Trang | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Phạm Thị Sơn | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Võ Minh Quang | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Trần Văn Cường | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 13 | Trần Đệ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Nguyễn Việt Nhân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 15 | Nguyễn Lan | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 16 | Nguyễn Minh Đức | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Nguyễn Văn A | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 18 | Nguyễn Thanh Hùng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Nguyễn Thanh Hồng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Lê Bá Ước | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Dương Minh Ngà | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Nguyễn Minh Thuận | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Nguyễn Văn Thảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Lâm Hiếu Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Đình Hữu Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Nguyễn Văn Huấn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Phạm Điền Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Đỗ Quang Minh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Trần Công Khánh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Trần Bửu Hiền | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Phạm Mạnh Thiệu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 32 | Đặng Văn Tiếp | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Trần Thị Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Trần Đông Hải | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Vũ Đình Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Nguyễn Thành Châu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Dương Sơn Minh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Dương Văn Hải | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Nguyễn Khanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Huỳnh Thị Phượng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Trần Văn Trào | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Nguyễn Trưng Phương | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Trần Văn Quyển | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Lê Hữu Sanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 45 | Lê Văn Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 46 | Võ Kim Hanh | Ủy viên dự khuyết |
| 47 | Đặng Văn Đáo | Ủy viên dự khuyết |
| 48 | Nguyễn Thị Minh Tư | Ủy viên dự khuyết |
| 49 | Nguyễn Văn Thuyên | Ủy viên dự khuyết |
| 50 | Lê Minh Phương | Ủy viên dự khuyết |
| 51 | Huỳnh Lang Anh | Ủy viên dự khuyết |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------|-------------------|
| 52 | Lê Thị Hồng Hoa | Ủy viên dự khuyết |
| 53 | Lê Đình Nghiệp | Ủy viên dự khuyết |
| 54 | Nguyễn Nam Ngữ | Ủy viên dự khuyết |
| 55 | Lê Văn Lâm | Ủy viên dự khuyết |
| 56 | Nguyễn Văn Hàng | Ủy viên dự khuyết |
| 57 | Vũ Hữu Tinh | Ủy viên dự khuyết |
| 58 | Đào Văn Minh | Ủy viên dự khuyết |

- Mục tiêu

Mục tiêu Đại hội IV đề ra: "...Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế tỉnh Đồng Nai theo cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý; phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng tâm theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy các mũi nhọn: Công nghiệp chế biến, nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giải quyết tích cực có hiệu quả thiết thực ba chương trình lớn về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Tiếp tục nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới; xây dựng cơ chế quản lý mới, nhất là quản lý kinh tế mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, xây dựng Đảng bộ vững mạnh mọi mặt".

- Ý nghĩa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV là một sự kiện hết sức quan trọng đối với Đảng bộ, quân, dân Đồng Nai. Mặc dù sự thể hiện đường lối đổi mới về mọi mặt trong Nghị quyết Đại hội IV chưa được rõ và cụ thể, song Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV đã thể hiện sự sáng suốt của toàn Đảng bộ trong việc xác định được một loạt những quan điểm mới trong đường lối lãnh đạo của Đảng bộ mà các kỳ Đại hội trước chưa đề cập đến, thể hiện sự trưởng thành của Đảng bộ trong sự nghiệp xây dựng, đổi mới. Chính vì vậy, từ Đại hội IV, trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh – quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước và hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng đã từng bước vận động khởi sắc, làm tiền đề để Đồng Nai có những bước tiến dài trong những giai đoạn sau.

6. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (năm 1991)

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V được tiến hành 2 vòng, vòng 1 tiến hành từ ngày 23 đến 25/4/1991. Tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc. Vòng 2 được tổ chức từ ngày 28/10 đến ngày 01/11/1991. Giáo sư – Tiến sĩ Nguyễn Đình Tứ – Bí thư Trung ương Đảng thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo trực tiếp Đại hội. Tham gia đại hội vòng 2 có 288 đại biểu chính thức đại diện cho 14.650 đảng viên trong 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh dự Đại hội.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V

- Bối cảnh

Đại hội diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã sụp đổ, nhiều Đảng Cộng sản đã bế tắc, mất phương hướng về chính trị. Đối với nước ta, một bộ phận cán bộ đảng viên và nhân dân dao động niềm tin, các thế lực thù địch tấn công một cách quyết liệt.

- Hoạt động

Đại hội (vòng 1) đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực vào 05 bản dự thảo văn kiện sẽ trình tại Đại hội VII của Đảng. Đại hội đã bầu 17 đại biểu chính thức, 02 đại biểu dự khuyết của Đảng bộ dự Đại hội Đại biểu toàn

quốc lần thứ VII. Đại hội (vòng 2) đã tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VII của Đảng vào việc đánh giá tình hình, đề ra phương hướng, mục tiêu, các biện pháp cho nhiệm kỳ tới; đặc biệt là những mục tiêu và giải pháp kinh tế.

Đại hội đã rút ra 05 kinh nghiệm bước đầu trong công cuộc đổi mới:

+ Từng cấp uỷ và toàn Đảng bộ phải không ngừng nâng cao nhận thức mọi mặt, nắm vững đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng để vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào thực tiễn địa phương, đề ra được các chủ trương, biện pháp, bước đi thích hợp trên từng lĩnh vực hoạt động mới thực hiện đổi mới có hiệu quả.

+ Phải biết dựa vào dân, có nhiều chính sách và biện pháp khai thác và phát huy nhiều hơn nữa tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mới thực hiện được mục tiêu của công cuộc đổi mới, làm cho “dân giàu, nước mạnh”.

+ Cùng với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và vai trò cá nhân phụ trách theo chế độ trách nhiệm của luật định.

+ Phải luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng ở mọi cấp, mọi ngành, nêu cao đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, nhất là trong các cấp uỷ, trên cơ sở phát huy tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình nghiêm túc, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Phải đặc biệt quan tâm xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, trong sạch, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, luôn sát dân, nắm chắc quần chúng, phát động thành phong trào cách mạng thực hiện thắng lợi mọi Nghị quyết của Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa V) gồm 47 đồng chí, bảo đảm theo tiêu chuẩn và yêu cầu về cơ cấu, đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của Đảng bộ trong tình hình mới. Đại hội bầu đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa V
(Theo Quyết định số 175-NS/TU ngày 20/01/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 1 | Phan Văn Trang | Bí thư |
| 2 | Huỳnh Văn Bình | Phó Bí thư |
| 3 | Trần Thị Minh Hoàng | Phó Bí thư |
| 4 | Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Trần Công Khánh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Lâm Hiếu Trung | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Đặng Văn Tiếp | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Lê Đình Nghiệp | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Phạm Điền Sơn | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Trần Bửu Hiền | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Nguyễn Đình Thắng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Dương Minh Ngà | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 13 | Lương Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 14 | Nguyễn Trí Thức | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15 | Huỳnh Văn Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 16 | Trần Thị Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Vũ Hữu Tinh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Huỳnh Văn Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Phạm Mạnh Thiều | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Nguyễn Văn Rý | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Nguyễn Nam Ngữ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Lê Hoàng Quân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Nguyễn Văn Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Nguyễn Thị Thu Lan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Nguyễn Văn Thanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Lê Minh Tánh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Huỳnh Văn Tâm | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Nguyễn Văn Thuyên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Nguyễn Thành Châu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Nguyễn Thị Minh Tư | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Bùi Ngọc Thanh | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 32 | Phạm Thị Sum | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Dương Văn Hải | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Nguyễn Khanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Võ Văn Một | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Trần Thị Luận | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Lê Văn Triết | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Trần Đình Thành | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Đỗ Quang Minh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Huỳnh Chí Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Nguyễn Trùng Phương | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Huỳnh Lang Anh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Đặng Thị Kim Nguyên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Lê Hữu Sanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 45 | Võ Minh Quang | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 46 | Lê Thị Hồng Hoa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 47 | Lê Tư Huyền | Ủy viên Ban Chấp hành |

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh họp từ ngày 16 đến ngày 19/3/1994 bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa V) các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Phan Văn Hiêm - Bí thư Ban cán sự Đảng Sở Công nghiệp
2. Đồng chí Phan Trung Kiên - Bí thư Ban cán sự Đảng Sở Nông Lâm
3. Đồng chí Nguyễn Hồng Lạc - Phó Bí thư Huyện uỷ Thống Nhất
4. Đồng chí Lâm Thị Nguyệt - Phó Bí thư Huyện uỷ Long Thành
5. Đồng chí Lê Hồng Phương - Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.

- Mục tiêu

Căn cứ vào tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, Đại hội V đã đề ra 04 mục tiêu phát triển 05 năm (1991–1995):

+ Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đối ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam.

+ Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 02%.

+ Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội.

+ Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.

- Ý nghĩa

Đại hội giúp xác định phương hướng đúng đắn, vượt qua khủng hoảng và từng bước phát triển kinh tế toàn diện từ đó cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện một xã hội bình đẳng, dân chủ, kỷ cương. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, ổn định về chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Qua đó vững vàng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân trong tỉnh, góp phần xây dựng đất nước.

7. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI (năm 1996)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI diễn ra từ ngày 02 đến ngày 04/5/1996. Tham dự Đại hội có 353 đại biểu chính thức đại diện cho trên 16.000 đảng viên của 15 Đảng bộ trực thuộc và 670 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI

- Bối cảnh

Đến những năm 1996, công cuộc đổi mới của nước ta nói chung và trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng đã tiến hành được 10 năm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt như: Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1991-1995); Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội; Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh; Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị; Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cấm vận tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế như: địa bàn tỉnh còn nghèo, kém phát triển; Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết; Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng.

- Hoạt động

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI đã thảo luận và đóng góp ý kiến vào các văn kiện sẽ trình tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII gồm: Báo cáo chính trị, Báo cáo Điều lệ Đảng sửa đổi và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 1996 – 2000. Đại hội kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V và đề ra Nghị quyết về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp của Đảng bộ trong 05 năm 1996 – 2000.

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI khẳng định những thành tựu đã đạt được, chỉ ra những mặt yếu kém, khuyết điểm và rút ra một số bài học kinh nghiệm.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa VI gồm 47 đồng chí. Ban Chấp hành khóa VI đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 08 đồng chí. Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Trần Thị Minh Hoàng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VIII của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết đảm bảo đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý và đúng thủ tục.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ khóa VI
(Theo Quyết định số 1068-NS/TW ngày 28/5/1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 1 | Trần Thị Minh Hoàng | Bí thư |
| 2 | Trần Bửu Hiền | Phó Bí thư |
| 3 | Lê Hoàng Quân | Phó Bí thư |
| 4 | Trần Công Khánh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Võ Văn Một | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Phạm Điền Sơn | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Nguyễn Trùng Phương | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Lê Hồng Phương | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Bùi Ngọc Thanh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Trần Đình Thành | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Nguyễn Đình Thắng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Nguyễn Trí Thức | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 13 | Lê Văn Triết | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Nguyễn Thành Công | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15 | Nguyễn Thị Thu Lan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 16 | Nguyễn Tấn Danh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Nguyễn Đэм | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Huỳnh Văn Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Dương Minh Ngà | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 20 | Lê Minh Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Nguyễn Văn Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Nguyễn Thành Châu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Lương Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Nguyễn Văn Ri | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Lâm Thị Nguyệt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Huỳnh Chí Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Phạm Thành Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Nguyễn Văn Thạnh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Lê Thị Thu Ba | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Trần Thị Hòa | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Trần Tùng Khương | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------|-----------------------|
| 32 | Phạm Mạnh Thiều | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Vũ Hữu Tinh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Huỳnh Văn Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Phan Trung Kiên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Nguyễn Nam Ngữ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Phạm Thị Sum | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Dương Thanh Tân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Phan Thị Diệu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Vi Văn Vũ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Trần Thị Luận | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Võ Minh Quang | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Trần Minh Thấu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Đặng Mạnh Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 45 | Trần Văn Hiền | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 46 | Trương Văn Vờ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 47 | Phạm Văn Sáng | Ủy viên Ban Chấp hành |

- Mục tiêu

Đại hội đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh 05 năm 1996 – 2000. Phương hướng, mục tiêu tổng quát là: “Giữ gìn và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp. Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI”. Phải phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu là: đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 16% trở lên để

đến năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt trên 850 USD. Tỷ trọng công nghiệp 43,5%, dịch vụ 37% và nông nghiệp 19,5% trong cơ cấu kinh tế.

- Ý nghĩa

Qua Đại hội giúp định hướng cho sự phát triển sắp tới, đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với từng thời điểm đảm bảo cho sự phát triển kinh tế phù hợp với xu thế thế giới, ngày càng mở rộng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa các trên tất cả các lĩnh vực.

8. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (năm 2000)

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001–2005) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29/12/2000. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 22.626 đảng viên thuộc 14 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đồng chí Nguyễn Mạnh Cảm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các Ban Đảng của Trung ương về dự.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII

- Bối cảnh

Đại hội diễn ra trong bối cảnh loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh dân tộc ta đứng trước những thời cơ lớn đan

xen với nhiều thách thức lớn. Trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy so phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển. Toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Đây là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hoá và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch...

Tình hình đất nước ta nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng sau 15 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực để thúc đẩy công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Bên cạnh đó, chúng ta còn phải đối phó với những thách thức: tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chênh lệch xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng quan liêu, “diễn biến hoà bình” do các thế lực thù địch gây ra.

- Hoạt động

Thực hiện tốt yêu cầu của Bộ Chính trị là “Dân chủ, trí tuệ, trách nhiệm, kỷ cương, đoàn kết”, Đại hội VII đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện của Trung ương: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001–2010; Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2001–2005, Điều lệ Đảng (sửa đổi, bổ sung), Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI). Đại hội đã tổng kết các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khoá VI (nhiệm kỳ 1996–2000), Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương Đảng (khoá VIII).

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khẳng định những thành tựu đã đạt được trong 5 năm (1996–2000): tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo, chăm lo gia đình chính sách được đầu tư, quan tâm, quốc phòng an ninh được giữ vững, pháp chế xã hội chủ nghĩa được tăng cường... Bên cạnh những thành tựu đạt được, Báo cáo chính trị cũng đề cập

đến một số tồn tại, yếu kém, những bài học kinh nghiệm giai đoạn 1991–1995, từ đó đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2001–2005.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII, gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng Quân được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII. Năm 2004, đồng chí Lê Hoàng Quân được Trung ương phân công làm Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và đồng chí Trần Đình Thành được Trung ương bổ nhiệm làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII. Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ khóa VII

(Theo Quyết định số 1005-QĐNS/TW ngày 9/01/2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------------|
| 1 | Lê Hoàng Quân | Bí thư |
| 2 | Trần Đình Thành | Phó Bí thư |
| 3 | Võ Văn Một | Phó Bí thư |
| 4 | Nguyễn Tấn Danh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5 | Huỳnh Văn Hoàng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6 | Dương Minh Ngà | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Đặng Thị Kim Nguyên | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8 | Lê Hồng Phương | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9 | Dương Thanh Tân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10 | Bùi Ngọc Thanh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11 | Trần Minh Thấu | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 12 | Huỳnh Văn Trung | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 13 | Trương Văn Vở | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 14 | Nguyễn Thành Công | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 15 | Nguyễn Đэм | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 16 | Huỳnh Chí Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 17 | Phạm Thành Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 18 | Đào Nguyên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 19 | Lê Minh Sơn | Ủy viên Ban Chấp hành |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|-----------------------|
| 20 | Đặng Mạnh Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 21 | Nguyễn Quang Việt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 22 | Trần Văn Tư | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 23 | Nguyễn Thị Thu Lan | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 24 | Lâm Thị Nguyệt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 25 | Trương Thị Nguyệt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 26 | Hồ Văn Giang | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 27 | Nguyễn Thành Châu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 28 | Nguyễn Phi Hùng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 29 | Ao Văn Thịnh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 30 | Vi Văn Vũ | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 31 | Huỳnh Văn Tới | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 32 | Nguyễn Thanh Long | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 33 | Nguyễn Văn Thắng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 34 | Nguyễn Phú Cường | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 35 | Đỗ Tiến Khải | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 36 | Trần Minh Phúc | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 37 | Lê Mai Thanh | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 38 | Lương Hoàng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 39 | Nguyễn Thành Trí | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 40 | Phan Trung Kiên | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 41 | Nguyễn Văn Long | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 42 | Phạm Văn Ru | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 43 | Nguyễn Hoàng Lưu | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 44 | Phạm Văn Sáng | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 45 | Huỳnh Thị Nga | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 46 | Đình Quốc Thái | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 47 | Trương Minh Trung | Ủy viên Ban Chấp hành |

- Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần VII: tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã

hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất – tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phân đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

- Ý nghĩa

Đại hội Đảng bộ Đồng Nai lần VII là đại hội đầu tiên trong thế kỉ XXI, thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII là nguồn cổ vũ động viên to lớn, tạo nên sức mạnh tổng hợp, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân trong tỉnh, là cơ sở vững chắc để Đồng Nai vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

9. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (năm 2005)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII được tiến hành từ ngày 21 đến ngày 23/12/2005 tại Thành phố Biên Hòa. Tham dự Đại hội có 300 đại biểu đại diện cho 31.889 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII

- Bối cảnh

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII họp vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh cùng với cả nước đã trải qua 20 năm thực hiện đường lối đổi mới và đạt nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt là trong kế hoạch 5 năm đầu thế kỷ 21 với các bước phát triển mạnh trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Hoạt động

Đại hội lần này có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII và đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thời kỳ 2005 – 2010.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh đã thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo các Văn kiện của Trung ương: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X. Với tinh thần khách quan, trung thực, nhìn thẳng vào sự thật Đại hội đã đánh giá đúng mức những kết quả đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, nguyên nhân của những ưu điểm, khuyết điểm và rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Đảng bộ Tỉnh trong 5 năm qua; từ đó, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho giai đoạn phát triển 5 năm tới (2005 – 2010).

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá VIII gồm 49 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra gồm 8 đồng chí; đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ. Đồng thời, Đại hội cũng bầu ra 14 đồng chí (13 đồng chí chính thức và 1 đồng chí dự khuyết) thay mặt cho toàn Đảng bộ Tỉnh đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay |
|-----|-------------------|-------------------------------|
| 1 | Từ Thanh Chương | Giám đốc Sở Y tế |
| 2 | Nguyễn Thành Công | TUV - Bí thư Huyện uỷ Tân Phú |

| | | |
|----|----------------------|---------------------------------------------|
| 3 | Nguyễn Phú Cường | TUV - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND TP Biên Hòa |
| 4 | Trần Nghi Dũng | Bí thư Huyện ủy Trảng Bom |
| 5 | Phạm Minh Đạo | Chánh Văn phòng UBND Tỉnh |
| 6 | Nguyễn Đэм | TUV - Giám đốc Sở Nội vụ |
| 7 | Trần Như Độ | Phó Chủ tịch Hội Nông dân Tỉnh |
| 8 | Nguyễn Văn Đượ | Bí thư Huyện ủy Long Thành |
| 9 | Nguyễn Thị Gái | UVTV Đảng ủy, Phó Giám Công ty Cao su Đồng |
| 10 | Nguyễn Văn Giàu | Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT |
| 11 | Bùi Hữu Hạnh | Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Cẩm Mỹ |
| 12 | Nguyễn Thị Hoa | Giám đốc Sở Tài chính |
| 13 | Nguyễn Gia Hòa | PBT Đảng ủy, Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự |
| 14 | Lê Minh Hoàng | Giám đốc Sở GD & ĐT |
| 15 | Lê Văn Hùng | Phó Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy |
| 16 | Nguyễn Phi Hùng | TUV - Phó Giám đốc Công an tỉnh |
| 17 | Đỗ Tiến Khải | TUV - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy |
| 18 | Nguyễn Văn Khánh | Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc Công an tỉnh |
| 19 | Huỳnh Tấn Kiệt | Chủ tịch Liên đoàn Lao động |
| 20 | Lê Thị Như Lan | Bí thư Thị ủy Long Khánh |
| 21 | Nguyễn Thị Kim Liên | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh |
| 22 | Nguyễn Thanh Long | TUV - Chỉ huy trưởng BCH Quân sự Tỉnh |
| 23 | Nguyễn Văn Long | TUV - Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy |
| 24 | Nguyễn Hoàng Lưu | TUV - Chánh Thanh tra Nhà nước Tỉnh |
| 25 | Huỳnh Văn Lưu | Phó Chánh án TAND Tỉnh |
| 26 | Võ Văn Một | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND Tỉnh |
| 27 | Huỳnh Thị Nga | TUV - Chánh án TAND Tỉnh |
| 28 | Đào Nguyên | TUV - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh |
| 29 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | Bí thư Tỉnh đoàn |

| | | |
|----|-------------------|--------------------------------------------------|
| 30 | Trần Minh Phúc | TUV - Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch |
| 31 | Lê Hồng Phương | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy |
| 32 | Phạm Văn Ru | TUV - Phó trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 33 | Phạm Văn Sáng | TUV - Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ |
| 34 | Hồ Thanh Sơn | Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Định Quán |
| 35 | Đình Quốc Thái | TUV - Phó Chủ tịch UBND Tỉnh |
| 36 | Huỳnh Chí Thắng | TUV - Phó Chủ tịch HĐND Tỉnh |
| 37 | Ngô Ngọc Thanh | Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch HĐND huyện Thống Nhất |
| 38 | Bùi Ngọc Thanh | UVTV - Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy |
| 39 | Phan Thị Mỹ Thanh | Giám đốc Sở Công nghiệp |
| 40 | Trần Đình Thành | Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND Tỉnh |
| 41 | Đoàn Thạnh | Bí thư Huyện ủy Vĩnh Cửu |
| 42 | Trần Minh Thấu | UVTV - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 43 | Ao Văn Thịnh | TUV - Phó Chủ tịch UBND Tỉnh |
| 44 | Bồ Ngọc Thu | Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư |
| 45 | Nguyễn Văn Toàn | Bí thư HU - Chủ tịch HĐND huyện Xuân Lộc |
| 46 | Huỳnh Văn Tới | TUV - Phó Chủ tịch UBND Tỉnh |
| 47 | Nguyễn Thành Trí | TUV - Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin |
| 48 | Trần Văn Tư | TUV - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy |
| 49 | Vy Văn Vũ | TUV - Bí thư Thành ủy Biên Hòa |

- Mục tiêu

Từ thực tiễn đất nước cũng như tình hình cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Đại hội đã đề ra mục tiêu, chủ đề của Đại hội: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao hơn năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Ý nghĩa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII có ý nghĩa lịch sử quan trọng, định hướng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong giai đoạn tăng tốc, chủ động hội nhập kinh tế - quốc tế. Đồng thời rút ra được những kinh nghiệm và bài học để tỉnh Đồng Nai tận dụng những ưu thế là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của cả nước.

10. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX (năm 2010)

Đại hội Đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai họp từ ngày 23 đến ngày 25 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Biên Hòa. Tham dự có 350 đại biểu, trong đó có 45 đại biểu đương nhiên là ủy viên Ban chấp hành (BCH) Đảng bộ tỉnh khóa VIII và 305 đại biểu được bầu trực tiếp từ Đại hội 16 Đảng bộ trực thuộc tỉnh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX

- Bối cảnh

Trong 5 năm qua (2005 – 2010), thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh, Đồng Nai đã đạt được những thành tựu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: chính trị - xã hội ổn định, an ninh quốc phòng giữ vững; nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng

được cải thiện; hệ thống chính trị được củng cố ngày càng vững chắc; công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó, cũng có một số khó khăn, thách thức như: Tình hình thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên; tình trạng đình công của công nhân, khiếu kiện tập thể đông người diễn ra ở nhiều nơi và có xu hướng không giảm; tình trạng tham nhũng, lãng phí của một bộ phận cán bộ đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả; các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước bằng nhiều cách thức khác nhau can thiệp vào nội tình đất nước; các quan điểm sai trái, thù nghịch xuất hiện nhiều trên Internet; xu hướng xa rời lý tưởng và giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc ngày càng thể hiện rõ, nhất là trong thanh, thiếu niên.

- Hoạt động

Trong chương trình, Đại hội sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo các văn kiện của Trung ương, như: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2010 – 2015; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và một số vấn đề sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đại hội đánh giá, tổng kết hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh; kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của BCH Đảng bộ tỉnh khóa VIII; thông qua các tham luận đánh giá 12 chương trình kinh tế - xã hội của UBND tỉnh, chuyên đề về xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đại hội sẽ tiến hành bầu BCH Đảng bộ tỉnh khóa IX và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá IX gồm 51 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra gồm 8 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành tái đắc cử chức danh Bí thư Tỉnh ủy khoá IX.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ IX

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay |
|-----|---------------|-------------------|
| 1 | Châu Văn Buôn | PTGD T.Cty Cao su |

| | | |
|----|----------------------|----------------------------------------------|
| 2 | Võ Văn Chánh | PGĐ Sở TN – MT Đồng Nai |
| 3 | Nguyễn Thành Công | Phó BTC Tỉnh ủy |
| 4 | Nguyễn Quốc Cường | Phó Chánh thanh tra Tỉnh |
| 5 | Nguyễn Phú Cường | Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa |
| 6 | Lê Văn Dành | Giám đốc Sở Công thương Đồng Nai |
| 7 | Trần Nghi Dũng | Bí thư Huyện ủy Trảng Bom |
| 8 | Phạm Minh Đạo | Giám đốc Sở NN & PTNT |
| 9 | Nguyễn Đэм | Giám đốc Sở Nội vụ Tỉnh |
| 10 | Nguyễn Văn Điệp | Giám đốc Sở GTVT Đồng Nai |
| 11 | Nguyễn Văn Đượ | Bí thư Huyện ủy Long Thành |
| 12 | Huỳnh Lệ Giang | PGĐ Sở GD & ĐT |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | PCT Hội phụ nữ Tỉnh |
| 14 | Nguyễn Gia Hòa | Chính ủy BCH Quân sự Tỉnh |
| 15 | Huỳnh Văn Hoàn | PGĐ Sở Y tế Đồng Nai |
| 16 | Tạ Huy Hoàng | Giám đốc Sở xây dựng |
| 17 | Nguyễn Minh Hùng | Giám đốc Sở TT & TT Đồng Nai |
| 18 | Nguyễn Phi Hùng | PGĐ Công an Tỉnh |
| 19 | Nguyễn Văn Khánh | Giám đốc Công an Tỉnh |
| 20 | Huỳnh Tấn Kiệt | Chủ tịch Liên đoàn Lao động |
| 21 | Hoàng Thị Lài | TP NV4 UBKT Tỉnh ủy |
| 22 | Nguyễn Văn Long | Phó trưởng BTG Tỉnh ủy |
| 23 | Nguyễn Văn Lộc | Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 24 | Võ Minh Lương | CHT BCH Quân sự Tỉnh |
| 25 | Nguyễn Văn Nài | BT Huyện ủy, Chủ tịch HĐND thị xã Long Khánh |
| 26 | Hồ Văn Năm | Viện trưởng VKSND Tỉnh Đồng Nai |
| 27 | Nguyễn Minh Nhật | PBT TT Huyện ủy Xuân Lộc |
| 28 | Lâm Văn Nghĩa | CVP Tỉnh ủy |
| 29 | Trần Minh Phúc | PCT UBND Tỉnh |

| | | |
|----|-------------------|--------------------------------------------|
| 30 | Trần Văn Phước | Bí thư Huyện ủy Định Quán |
| 31 | Lê Hồng Phương | PBT Khóa IX Tỉnh ủy |
| 32 | Phạm Văn Ru | Phó trưởng BTC Tỉnh ủy |
| 33 | Phạm Văn Sáng | Giám đốc Sở KH & CN |
| 34 | Hồ Thanh Sơn | Giám đốc Sở Tài chính |
| 35 | Đình Quốc Thái | PBT Tỉnh ủy khóa IX, PCT UBND Tỉnh |
| 36 | Phan Thị Mỹ Thanh | Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch |
| 37 | Bùi Ngọc Thanh | Trưởng BDV Tỉnh ủy |
| 38 | Ngô Ngọc Thanh | Bí thư Huyện ủy Thống Nhất |
| 39 | Trần Đình Thành | UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy khóa IX |
| 40 | Trần Minh Thấu | Trưởng BTC Tỉnh ủy |
| 41 | Bùi Xuân Thống | Bí thư Tỉnh đoàn |
| 42 | Bồ Ngọc Thu | Giám đốc Sở KH & ĐT |
| 43 | Huỳnh Văn Tịnh | PCT TT Liên đoàn Lao động Tỉnh |
| 44 | Huỳnh Văn Tô | PBT Khối doanh nghiệp |
| 45 | Huỳnh Văn Tới | Trưởng BTG Tỉnh ủy |
| 46 | Nguyễn Thành Trí | Giám đốc Sở VH TT & DL |
| 47 | Đặng Mạnh Trung | Phó trưởng Ban Dân vận |
| 48 | Trần Văn Tư | Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy |
| 49 | Trần Văn Vĩnh | PCT UBND Tỉnh |
| 50 | Trương Văn Vở | Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội Đồng Nai |
| 51 | Vy Văn Vũ | Bí thư Thành ủy Biên Hòa |

- Mục tiêu

Về mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và

đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa – hiện đại hóa vào năm 2015.

- Ý nghĩa

Đưa ra hướng đi phù hợp, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, phát huy tối đa mọi nguồn lực trong tình hình mới đưa nền kinh tế tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung ngày càng nâng cao và phát triển hơn, đồng thời, thành công của Đại hội còn là món quà mang nhiều ý nghĩa mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai gửi đến Đại lễ nhân kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội.

11. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (năm 2015)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020 diễn ra trong 03 ngày từ ngày 28 đến ngày 30/9/2015 tại Quảng trường tỉnh, Thành phố Biên Hòa. Đại hội có sự tham gia của 350 đại biểu đại diện cho gần 66.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X

- Bối cảnh

Nền kinh tế của tỉnh đã vượt qua khó khăn và phát triển theo đúng định hướng. Công tác xây dựng Đảng, công tác dân vận đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác cải cách hành chính có chuyển biến mới. Giáo dục – đào tạo, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao có tiến bộ. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Công tác cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế: kinh tế phát triển nhưng chưa thật sự vững chắc. Tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số khu vực còn xảy ra. Kết quả đầu tư hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Phát triển văn hóa chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, khiếu kiện đông người còn diễn biến phức tạp.

- Hoạt động

Đại hội đã đánh giá đúng mức những kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, bài học trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm tới. Đại hội đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và biểu quyết thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng; thông qua báo cáo tiếp thu, giải trình đóng góp ý kiến vào Báo cáo chính trị trình Đại hội, Bản Kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015 – 2020 và bầu Đoàn Đại biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội lần thứ XII của Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ X gồm 52 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã bầu Ban Thường vụ gồm 14 đồng chí, đồng chí Nguyễn Phú Cường giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy khóa X. Đồng thời, bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 8 đồng chí và bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, đảm bảo đúng nguyên tắc, Điều lệ Đảng.

Danh sách Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ X

| STT | Họ và tên | Chức vụ hiện nay |
|-----|-----------|----------------------------|
| 1 | Thái Bảo | Bí thư Huyện ủy Thống Nhất |

| | | |
|----|---------------------|---------------------------------------------|
| 2 | Lê Kim Bằng | Giám đốc Sở VHTT và Du lịch |
| 3 | Huỳnh Thanh Bình | Phó Cục trưởng Cục Hải quan |
| 4 | Nguyễn Phú Cường | UVDK TW Đảng UVTV.TU- PCT UBND tỉnh |
| 5 | Nguyễn Quốc Cường | Bí thư Huyện ủy Long Thành |
| 6 | Võ Văn Chánh | TUV- Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 7 | Lê Văn Dành | TUV - Bí thư Thành ủy Biên Hòa |
| 8 | Cao Tiến Dũng | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư |
| 9 | Phạm Minh Đạo | TUV - Giám đốc Sở NN & PTNT |
| 10 | Nguyễn Hữu Định | Phó Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh |
| 11 | Quách Hữu Đức | TUV - Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch |
| 12 | Hùynh Lê Giang | TUV - Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo |
| 13 | Phạm Xuân Hà | TUV - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy |
| 14 | Hoàng Thị Bích Hằng | Phó Chủ tịch Hội nông dân tỉnh |
| 15 | Nguyễn Hòa Hiệp | TUV - Giám đốc Sở Công thương |
| 16 | Hùynh Minh Hoàn | TUV - Giám đốc Sở Y tế |
| 17 | Nguyễn Thị Hoàng | Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 18 | Hùynh Văn Hồng | TUV - Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh |
| 19 | Nguyễn Minh Hùng | TUV - Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông |
| 20 | Nguyễn Quốc Hùng | TUV - Giám đốc Sở Tài chính |
| 21 | Nguyễn Sơn Hùng | BT Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Trảng bom |
| 22 | Bùi Quang Huy | Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy |
| 23 | Nguyễn Văn Kim | UVTV Đảng ủy, Phó Giám đốc Công an |
| 24 | Huỳnh Thanh Liêm | Phó Bí thư Đảng ủy - Chính ủy BCH QS tỉnh |
| 25 | Trịnh Tuấn Liêm | TUV - Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải |
| 26 | Lê Thị Ngọc Loan | Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh |
| 27 | Huỳnh Văn Lưu | Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh |
| 28 | Hùynh Tiến Mạnh | Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công an tỉnh |
| 29 | Nguyễn Hồng Minh | TUV - Bí thư Huyện ủy Tân Phú |

| | | |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------|
| 30 | Nguyễn Văn Nải | TUV - Bí thư Thị ủy Long Khánh |
| 31 | Nguyễn Văn Nam | UVTV TU - Phó Bí thư Đảng ủy - CHT BCH Quân sự tỉnh |
| 32 | Hồ Văn Năm | TUV - Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy |
| 33 | Đặng Minh Nguyệt | Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 34 | Lâm Văn Nghĩa | TUV - Bí thư Huyện ủy Vĩnh Cửu |
| 35 | Đào Văn Phước | Phó Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy |
| 36 | Phạm Văn Ru | UVTV.TU - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 37 | Phạm Văn Sáng | TUV - Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ |
| 38 | Hồ Thanh Sơn | TUV - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh |
| 39 | Hùynh Văn Tịnh | TUV- Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy |
| 40 | Hùynh Văn Tố | TUV - Bí thư Đảng ủy khối Doanh nghiệp |
| 41 | Hùynh Văn Tới | UVTV.TU - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy |
| 42 | Trần Văn Tư | Phó Bí thư Tỉnh ủy - CT HĐND tỉnh - Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh |
| 43 | Đình Quốc Thái | Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh |
| 44 | Phan Thị Mỹ Thanh | Phó Bí thư Tỉnh ủy |
| 45 | Bùi Xuân Thống | TUV - Bí thư Huyện ủy Định Quán |
| 46 | Phạm Văn Thuận | Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc |
| 47 | Nguyễn Văn Thuộc | Giám đốc Sở Lao động TBXH |
| 48 | Bùi Thị Bích Thủy | Bí thư Tỉnh đoàn |
| 49 | Đặng Mạnh Trung | TUV - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy |
| 50 | Trần Văn Vĩnh | TUV - Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 51 | Trương Văn Vở | TUV - Phó đoàn chuyên trách Đoàn ĐBQH tỉnh |
| 52 | Nguyễn Thị Như Ý | Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh |

- Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát phần đầu trong 5 năm tới: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến

đầu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển con người toàn diện; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

- Ý nghĩa

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X thắng lợi có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Đây là tiền đề rất quan trọng, tạo cơ sở vững chắc để tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đã đặt ra trong 05 năm tới.

Như vậy, từ khi thành lập (01/1976) đến nay Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 10 kỳ Đại hội. Qua mỗi kỳ đại hội, Đảng bộ Đồng Nai ngày càng vững mạnh, trưởng thành; mỗi kỳ Đại hội là mỗi đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, mang ý nghĩa to lớn cho việc hoạch định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng phát triển, vững mạnh về mọi mặt.

Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất? Vì sao? (bài viết không quá 2.000 từ).

Chúng ta đều thấy, từ sau đổi mới (1986) đến nay, kinh tế đất nước đã có những bước phát triển nhanh chóng, đời sống vật chất của nhân dân được nâng lên. Tuy nhiên, trong lĩnh vực văn hóa, mặc dù đã có hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng thành tựu đạt được về mặt này lại chưa tương xứng, có mặt phát triển nhưng đồng thời có mặt lại thụt lùi. So với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có

giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại. Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa theo kịp thực tiễn sáng tác. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực và quản lý không theo kịp sự phát triển. Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa chưa cụ thể, rõ ràng. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế, bất cập. Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

Như chúng ta vừa phân tích, vấn đề yếu kém nhất trong văn hóa giai đoạn vừa qua chính là vấn đề con người, nên yêu cầu đặt ra cho giai đoạn hiện nay là phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện với những phẩm chất tốt đẹp là vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta làm thành công vấn đề về này thì tất cả những việc khác tự khắc sẽ tốt theo. Điều này dễ hiểu bởi khi có con người tốt thì ý thức khi tham gia vào mọi việc sẽ tốt. Con người nói đến ở đây không chỉ là người dân mà còn bao gồm cả quan chức, quan chức tốt thì quản lý xã hội sẽ tốt; quan chức tốt sẽ không có tham nhũng, quản lý sẽ nề nếp hơn, bài bản hơn. Do vậy, chỉ cần một chìa khóa thôi, đó là xây dựng con người phát triển toàn diện.

Nắm bắt, quán triệt và cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển văn hóa, xây dựng con người của đất nước trong giai đoạn hiện nay, Đại hội Đảng bộ Đồng Nai khóa X đã đưa chủ trương “*xây dựng và phát triển con người toàn diện*” vào mục tiêu cần thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển đất nước trong thời gian tới. Mục tiêu này lần đầu tiên được đề cập đến trong Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020, khiến tôi tâm đắc nhất bởi một số lý do sau:

- *Thứ nhất*, vấn đề xây dựng và phát triển con người lên hàng đầu không chỉ đúng, đúng mà còn vô cùng cần thiết và cần được triển khai ngay. Định hướng như vậy là hoàn toàn chính xác. Bởi những năm gần đây, nhiều di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Việt Nam đã và đang trở thành đối tác đáng tin cậy của hầu hết các quốc gia trên thế giới và nhân dân các nước trên thế giới đều giành những tình cảm tốt đẹp đối với người Việt Nam. Vì vậy việc xây dựng và phát triển con người Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng là việc vô cùng quan trọng nhằm tạo thiện cảm tốt của các quốc gia trên thế giới đối với Việt Nam.

- *Thứ hai*, con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Con người sáng tạo ra mọi giá trị, cả vật chất và tinh thần, và mọi của cải. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Vô luận việc gì, đều do con người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”. Không chỉ thấy rõ vai trò của con người, Hồ Chí Minh còn nhìn thấy sức mạnh của con người khi được tổ chức lại. Người viết: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” và “Dễ mấy lần không dân cũng chịu/ Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”.

- *Thứ ba*, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người. Tuy nhiên, không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ, bản lĩnh chính trị, đạo đức, văn hoá... và được lãnh đạo, dẫn đường. Vì vậy, phải tăng cường giáo dục nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cách mạng, từng bước xây dựng con người ngày càng hoàn thiện. Giữa con người – mục tiêu và con người – động lực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Càng chăm lo cho con người – mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ tạo thành con người – động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường sức mạnh của con người – động lực sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

- *Thứ tư*, xây dựng và phát triển con người là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng. Con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, nhằm phát huy cao nhất mọi tiềm năng của con người.

Chiến lược xây dựng và phát triển con người toàn diện vừa mang tính thường xuyên, cấp bách, vừa mang tính cơ bản lâu dài, phải làm công phu, tỉ mỉ.

- *Thứ năm*, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, những con người xã hội chủ nghĩa lại là chủ thể của toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hoá phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, cũng không phải xây dựng xong con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng con người phải đặt ra từ đầu và quan tâm suốt quá trình. Trước hết, cần có những con người xã hội chủ nghĩa, có nghĩa là không phải tất cả mọi người phải và có thể trở thành người xã hội chủ nghĩa thật đầy đủ, thật hoàn chỉnh ngay một lúc, mà chỉ có nghĩa là, trước hết cần có những con người tiên tiến, có được những nét tiêu biểu của người xã hội chủ nghĩa để có thể làm gương và lôi cuốn người khác cũng như toàn xã hội xây dựng con người mới; đồng thời, họ cũng không ngừng được hoàn thiện, được nâng cao. Hay Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã khẳng định: “Cần phải coi chiến lược con người, tất cả cho con người và tất cả vì con người” có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Một trong những nhiệm vụ lớn lao có tầm quan trọng chiến lược trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là đào tạo con người phát triển toàn diện, có tinh thần làm chủ và năng lực làm chủ, có tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hoá và khoa học ngày càng cao, nắm vững kỹ thuật và công nghệ sản xuất, kể cả công nghệ và kỹ thuật cổ truyền, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, có cả những công nghệ hiện đại nhất. Đây chính là lực lượng sản xuất vĩ đại nhất, thế mạnh lớn nhất, có sức sáng tạo nhất. Trong sự nghiệp ấy, công tác giáo dục từ mẫu giáo đến đại học và trên đại học có nhiệm vụ cực kỳ to lớn.

- *Thứ sáu*, công nghiệp hoá ở nước ta gắn liền với hiện đại hoá; công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngày nay chuyển từ việc chủ yếu khai thác nguồn lực tự nhiên sang khai thác nguồn lực con người, đặc biệt là nguồn tiềm năng trí tuệ. Để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải có các nguồn lực như nguồn lực con người, vốn, tài nguyên thiên nhiên... Các nguồn lực này đều cần thiết và có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó nguồn lực con người vai trò quyết

định. Nguồn lực con người là nguồn lực nội tại, cơ bản, tất yếu, giữ vị trí trung tâm trong hệ thống các nguồn lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá; là nguồn lực của mọi nguồn lực; là tài nguyên của mọi tài nguyên; là chủ thể trực tiếp quyết định toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hơn nữa, chính con người là đối tượng mà công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải hướng vào phục vụ, đầu tư, phát triển. Bởi thế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải gắn tăng trưởng kinh tế với đáp ứng phúc lợi của nhân dân, với tiến bộ và công bằng xã hội, với phát triển bền vững. Mỗi thành quả của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải tạo ra những điều kiện, phương tiện mới để nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người, phát triển nguồn nhân lực.

Hiện tại, trong nguồn lực con người ở nước ta, bên cạnh những ưu thế như lực lượng lao động dồi dào, con người Việt Nam cần cù, chịu khó, thông minh và sáng tạo... thì những hạn chế không phải nhỏ, nhất là về trình độ chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng lao động, thể lực và văn hoá lao động công nghiệp; thêm vào đó, việc khai thác và sử dụng số lao động đã qua đào tạo, có trình độ lại bất hợp lý và kém hiệu quả. Vì vậy, việc khai thác và phát triển nguồn lực con người hợp lý, có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang là nhiệm vụ cấp bách.

- *Thứ bảy*, trong gần 30 năm đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành và thực hiện trên thực tế đường lối và nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển con người Việt Nam mới – con người Việt Nam phát triển toàn diện, cả về trí lực lẫn thể lực, cả về “lý tưởng sống, lối sống, năng lực, trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam” nhằm thực hiện thành công chiến lược phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc đổi mới đất nước. Vì vậy việc đưa chủ trương xây dựng và phát triển con người toàn diện vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đồng Nai lần thứ X là hoàn toàn phù hợp, đáp ứng cho việc phát triển kinh tế, nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống và công cuộc xây dựng tỉnh Đồng Nai nói riêng, đất nước nói chung. Theo đó cần xây dựng và phát triển con người theo hướng sau:

Xây dựng con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, theo các giá trị chuẩn mực, trong đó trọng tâm là nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

+ Về tầm vóc, thể lực: Tầm vóc và thể lực là những đặc điểm sinh thể quan trọng, phản ánh một phần thực trạng của cơ thể con người, liên quan chặt chẽ đến khả năng lao động của con người. Do mức sống của nước ta vào loại thấp nhất của thế giới, chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn chủ yếu là chất bột nên đã ảnh hưởng đến thể lực của con người. Qua điều tra xã hội học cho thấy, người Việt Nam trong lứa tuổi lao động (từ 17 đến 55 tuổi) có thể lực thuộc loại trung bình thấp trên thế giới. Vì vậy, hướng phát triển của chúng ta là phải tăng thể lực, bao gồm: tăng chiều cao, cân nặng, tăng sức khoẻ, tăng khả năng làm việc. Phần đầu tăng khẩu phần dinh dưỡng và cải thiện bữa ăn hàng ngày của nhân dân đạt mức năng lượng theo nhu cầu và từng bước hợp lý hoá cơ cấu dinh dưỡng, trong đó tăng tỷ lệ chất đạm, chất béo và giảm chất bột. Thực hiện cho được mức dinh dưỡng này là yếu tố quan trọng phát triển thể lực, nâng cao tầm vóc, chất lượng của con người Việt Nam.

Thực hiện tốt Chương trình tổng thể nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam; gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống; phát động phong trào tập luyện thể thao nhằm phát triển thể chất, tăng tuổi thọ người Việt Nam và lành mạnh hóa lối sống của nhân dân.

+ Về trí lực: Nâng cao trí lực là nhiệm vụ cơ bản và xuyên suốt quá trình xây dựng nguồn lực con người đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp của người lao động, trong những năm tới phải quan tâm hơn nữa các lĩnh vực sau đây: đảm bảo cho trẻ em trong độ tuổi đi học cấp I đều được đến trường; phần đầu phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; tiếp tục thực hiện việc xoá mù chữ, khắc phục tình trạng tái mù chữ và nâng cao trình độ học vấn cho người lao động thông qua hệ thống giáo dục thường xuyên. Phát triển đào tạo nghề phải gắn với các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước, với nhu cầu phát triển kinh tế của các ngành, các vùng kinh tế. Thực hiện xã hội hoá đào tạo nghề nhằm thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đào tạo nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề để tìm kiếm việc làm. Đội ngũ trí thức, lực lượng nòng cốt của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần sự đầu tư thích đáng.

Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức và xã hội học tập, trong đó ưu tiên định hướng nghề nghiệp, giáo dục kỹ năng sống; phát huy lợi thế và hạn chế tác hại của khoa học, công nghệ mới đối với thế hệ trẻ; phối hợp các phương thức giáo dục trong và ngoài nhà trường;

+ Về phẩm chất đạo đức – tinh thần của con người Việt Nam. Phẩm chất đạo đức – tinh thần ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn lực con người. Vì vậy, nâng cao chất lượng nguồn lực con người không chỉ chú trọng đến thể lực và trí lực mà phải coi trọng cả phẩm chất đạo đức – tinh thần của con người. Để có được những con người có phong cách sống và kỹ năng lao động nghề nghiệp tốt, nói khái quát là có nhân cách đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trước hết cần phát huy tốt những giá trị truyền thống, trong đó có giá trị đạo đức của con người Việt Nam. Mỗi dân tộc đều có những giá trị đạo đức truyền thống của mình gắn với con người và đất nước. Giá trị truyền thống là nền tảng mà các thế hệ nối tiếp nhau phải kế thừa và phát triển. Không dựa trên nền tảng giá trị truyền thống thì không thể tiếp thu có hiệu quả những thành tựu văn minh nhân loại. Những giá trị truyền thống cần kế thừa và phát huy là: tinh thần yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc, ý chí tự lực tự cường của con người Việt Nam.... Tuy nhiên những giá trị này cần được phát triển, bổ sung cho phù hợp với nội dung của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bên cạnh việc phát huy những giá trị truyền thống, cần phải khắc phục những tiêu cực đang tồn tại trong con người Việt Nam, bao gồm hạn chế do thói quen cũ để lại và những vấn đề mới nảy sinh; đồng thời, biết tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại.

Xây dựng và đưa vào thực tiễn hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam; tăng cường các giải pháp đồng bộ tạo chuyển biến để mọi người dân Việt Nam có ý thức tôn trọng pháp luật, hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam nhằm ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

Giáo dục nhân cách, đạo đức, lý tưởng, lối sống trong gia đình, nhà trường và xã hội; tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam,

làm cho gia đình thực sự là nơi nuôi dưỡng nhân cách con người; xây dựng môi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Xây dựng và phát triển con người có đạo đức và lối sống xã hội chủ nghĩa: trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, có tinh thần quốc tế trong sáng, lối sống lành mạnh. Có tác phong xã hội chủ nghĩa: làm việc có kế hoạch, biện pháp, có quyết tâm, tổ chức, kỷ luật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, lao động hăng say, không sợ khó, sợ khổ, làm việc vì lợi ích của xã hội, tập thể và của bản thân. Có năng lực làm chủ: làm chủ bản thân, gia đình và công việc mình đảm nhiệm, đủ sức khoẻ và tư cách tham gia làm chủ nhà nước và xã hội, thực hiện tốt quyền công dân; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ để làm chủ.

Tiếp tục triển khai các chương trình giáo dục nghệ thuật nhằm nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ của nhân dân, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cho con người; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; phát triển giáo dục văn hóa ngoài nhà trường để mọi người dân có hiểu biết, khả năng thưởng thức và kỹ năng biểu đạt văn hóa, nghệ thuật; phát huy tính tích cực của cá nhân, cộng đồng và xã hội trong sinh hoạt văn hóa. Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học – nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng. Nâng cao thể lực, tầm vóc con người, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhất).

Có thể khẳng định, công tác hồ sơ, lưu trữ có vai trò quan trọng đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó quan trọng bởi theo quy định, những tài liệu lưu trữ đều là bản gốc, bản chính, có giá trị pháp lý, có tính chất làm bằng chứng lịch sử. Từ các cơ quan cấp quốc gia, đến mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhỏ trong quá trình hoạt động đều sản sinh những giấy tờ liên quan và những văn bản, tài liệu có giá trị đều được lưu giữ lại để tra cứu, sử dụng khi cần thiết. Các tài liệu được lưu trữ tốt sẽ là nguồn cung cấp thông tin có giá trị pháp lý, chính xác và kịp thời nhất cho sự lãnh đạo, quản lý của một tổ chức. Bởi đây là những bản gốc, bản chính, là căn cứ xác nhận sự việc đã xảy ra và có giá trị pháp lý rất cao. Việc soạn thảo, ban hành văn bản đã quan trọng, việc lưu trữ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ còn quan trọng hơn nhiều. Do đó, khi các cơ quan, tổ chức được thành lập, công tác văn hồ sơ, lưu trữ sẽ tất yếu được hình thành vì đó là “huyết mạch” trọng hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức. Nếu công tác hồ sơ và lưu trữ làm tốt góp phần quan trọng bảo đảm thông tin cho hoạt động của một tổ chức, cung cấp những tài liệu, tư liệu, số liệu đáng tin cậy, phục vụ mục đích chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng thời, làm tốt công tác hồ sơ lưu trữ còn góp phần bảo vệ những thông tin có liên quan đến cơ quan, tổ chức và bí mật quốc gia...

Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học và rất nhiều ý nghĩa khác. Ý nghĩa chính trị của tài liệu thể hiện ở chỗ, nó được sử dụng như một vũ khí, một công cụ quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp, của đảng cầm quyền. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, bất kỳ quốc gia nào, các giai cấp và đảng cầm quyền đều có ý thức bảo quản và sử dụng tài liệu lưu trữ như một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Lịch sử cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi viết “Bản án chế độ thực dân Pháp” (bản tiếng Pháp in năm 1925 tại Paris) đã sử dụng nhiều nguồn tư liệu, trong đó có những tài liệu lưu trữ đã được đăng công khai trên báo chí chính giới Pháp và những tài liệu do chính người Pháp công bố. Bằng những “tài liệu lưu trữ biết nói”, những số liệu cụ thể, những bằng

chứng không thể chối cãi được, tác phẩm này đã trở thành một bản cáo trạng giáng một đòn chí mạng vào chủ nghĩa thực dân Pháp, góp phần thức tỉnh giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức ở nước ta và các nước thuộc địa khác đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Ý nghĩa chính trị của tài liệu lưu trữ ở chỗ nó có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia, nó là di sản của dân tộc có giá trị đặc biệt đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tài liệu lưu trữ còn là bằng chứng, là phương tiện cực kỳ quan trọng trong đấu tranh chính trị - ngoại giao, đấu tranh bảo vệ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên lãnh thổ, vùng biển, vùng trời của Tổ quốc. Nhiều tài liệu quan trọng của Nhà nước đã được đưa ra để tố cáo âm mưu của bọn đế quốc và phản động. Một số tài liệu lưu trữ còn được sử dụng để biên soạn cuốn sách trắng của Bộ Ngoại giao nước ta về chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa kinh tế to lớn. Đó là các tài liệu phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước, tình hình phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Đó là đồ án thiết kế của các công trình, nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, cầu đường, tài liệu về thiết kế chế tạo máy, điều tra khảo sát địa chất, khoáng sản, dầu khí, địa hình, khí tượng thuỷ văn, môi trường, cây trồng, vật nuôi, các báo cáo về các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan. Sử dụng các tài liệu lưu trữ này sẽ giúp cho việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của đất nước hoàn chỉnh, sát thực tế, có cơ sở khoa học, giúp các nhà thiết kế và chế tạo lựa chọn được phương án tối ưu, chấp cánh cho các sáng chế và phát minh có chất lượng hiệu quả cao. Nghiên cứu, sử dụng các tài liệu lưu trữ góp phần đẩy nhanh tiến độ khảo sát, thiết kế, thi công các công trình xây dựng cơ bản, khôi phục và sửa chữa nhanh chóng, bảo đảm chất lượng phục chế, trùng tu, cải tạo nâng cấp các công trình bị hư hỏng, bị chiến tranh tàn phá. Ý nghĩa kinh tế của tài liệu lưu trữ còn thể hiện cụ thể ở giá trị các thông tin chứa trong tài liệu lưu trữ. Khi thông tin trong đó có thông tin quá khứ chứa trong tài liệu được quan niệm như sản phẩm trí tuệ có giá trị được sử dụng phục vụ cho các mục đích khác nhau của con người và xã hội thì ý nghĩa kinh tế của tài liệu lưu trữ càng được khẳng định trong thực tiễn.

Tài liệu lưu trữ có ý nghĩa văn hoá sâu sắc, nó phản ánh những thành quả lao động sáng tạo về vật chất, tinh thần, những nhận thức về xã hội và tự nhiên của dân tộc ta qua các giai đoạn lịch sử. Đó là chứng tích về văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, là tấm gương phản ánh về trình độ văn hoá của dân tộc ta. Di sản này có vai trò to lớn trong phát triển chính trị, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hoá nghệ thuật của nước ta trong lịch sử. Đồng thời có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Ngày nay, nhiều tài liệu phong lưu trữ nhà nước Việt Nam không chỉ là di sản văn hoá của dân tộc Việt Nam mà còn là di sản văn hoá thế giới. Chẳng hạn như tài liệu Mộc bản triều Nguyễn, 82 Bia Tiến sĩ ở Quốc Tử giám (Hà Nội) đã được công nhận là di sản tư liệu thuộc chương trình ký ức thế giới (Memory of the world). Ngày nay, Tổ chức Văn hoá, khoa học và giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) đánh giá trình độ phát triển văn hoá của một quốc gia, dân tộc căn cứ vào số lượng đầu sách quốc gia mà dân tộc đó viết ra và đã được công bố, số lượng và niên đại các tài liệu lưu trữ của quốc gia mà dân tộc đó còn lưu lại được cho dân tộc mình và cho nhân loại. Chính tổ chức UNESCO đã đưa ra chương trình Ký ức thế giới, quan niệm “Ký ức thế giới là những hồi ức của các dân tộc trên thế giới được chọn lọc và ghi lại bằng tư liệu. Những di sản, tư liệu này đại diện cho một bộ phận lớn di sản văn hoá thế giới. Ký ức thế giới ghi lại sự phát triển về tư tưởng, những khám phá về thành tựu của xã hội loài người. Đó là di sản của quá khứ để lại cho thế giới trong hiện tại và tương lai”. Chương trình Ký ức thế giới ra đời nhằm mục đích bảo vệ các tài liệu lưu trữ được công nhận là di sản tư liệu, di sản văn hoá thế giới. Không thể không thừa nhận ý nghĩa văn hoá của các tài liệu lưu trữ.

Tài liệu lưu trữ còn có ý nghĩa khoa học quan trọng. Chúng ta đều biết, không một phát minh khoa học nào lại chỉ là sản phẩm lao động của một người hoặc thậm chí một thế hệ. Isaac Newton đã diễn đạt tư tưởng này một cách sinh động “nếu tôi nhìn xa hơn người khác một phần nào đó là vì tôi đứng trên vai những người khổng lồ”. Karl Marx trong bộ Tư bản cũng khẳng định, “mọi công trình khoa học, mọi phát minh, sáng chế nào cũng đều là lao động nói chung, nó tùy thuộc một phần bởi việc sử dụng lao động của những người đi trước”. Tính kế thừa, tính tập thể, tính quốc tế trong sự phát triển khoa học được bảo đảm

(được giữ lại) nhờ hệ thống các tài liệu lưu trữ, các tư liệu thành văn trong đó trình bày các kết quả nghiên cứu và phát kiến của từng người hoặc tập thể các nhà khoa học. Thiếu tài liệu lưu trữ, thiếu thông tin quá khứ trong tài liệu lưu trữ thì không thể nghĩ tới việc xây dựng và phát triển khoa học nói chung và khoa học lịch sử nói riêng. Tài liệu lưu trữ là một trong các nguồn sử liệu quan trọng để hình thành nên các công trình lịch sử. Thông tin quá khứ chứa trong tài liệu lưu trữ không chỉ để nghiên cứu quá khứ mà còn để nghiên cứu các biện pháp cải tiến xã hội và nhận thức tương lai. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx - Lenin đã chỉ rõ, “muốn xây dựng hiện tại cần phải hiểu biết quá khứ”. Phải từ quá khứ của lịch sử mà rút ra những nguyên nhân và động lực thúc đẩy lịch sử phát triển, những bài học kinh nghiệm, những quy luật phổ biến và đặc thù của lịch sử nước ta cùng với những truyền thống tốt đẹp về các mặt của dân tộc được phản ánh trong tài liệu lưu trữ. Chúng ta cần phải dựa trên những nguồn tư liệu quan trọng, trong đó có các tài liệu thuộc phong lưu trữ nhà nước để nghiên cứu lịch sử. Nguồn sử liệu này được sản sinh ra từ hoạt động của các cơ quan hoặc cá nhân ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Có thể nói, bất cứ tài liệu lưu trữ nào, ít nhiều đều chứa những thông tin chân thực về xã hội của thời kỳ lịch sử đã sản sinh ra chúng. Do đó, tài liệu lưu trữ là cơ sở sử liệu đặc biệt quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử kinh tế, văn hoá tư tưởng, lịch sử quân sự, ngoại giao và lịch sử của từng địa phương, từng ngành, từng cơ quan, từng nhân vật lịch sử nói riêng. Sử dụng triệt để nguồn sử liệu trong phong lưu trữ nhà nước sẽ mở ra cho khoa học lịch sử nước ta những khả năng mới trong việc làm sáng tỏ nhiều vấn đề của lịch sử dân tộc, đặc biệt là lịch sử của các thời kỳ cận, hiện đại Việt Nam và lịch sử của Đảng.

Chính vì ý nghĩa, tầm quan trọng to lớn đó, ngay từ những ngày đầu giành được độc lập, Đảng và Nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm đến công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ, coi đây là công cụ để quản lý, điều hành đất nước. Đã có rất nhiều văn bản của Đảng, Nhà nước quy định về công tác công văn, giấy tờ. Khởi đầu quy định về công tác văn thư lưu trữ là Thông đạt số 1 – C/VP ngày 03/01/1946 về công tác công văn giấy tờ do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, trong đó Người đã chỉ rõ “Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia”, Người yêu cầu các Bộ trưởng, ban “chỉ thị cho nhân viên các sở phải

giữ gìn công văn, tài liệu và cấm không được hủy bỏ các công văn, tài liệu ấy”, “Hồ sơ hoặc công văn không cần dùng sau này sẽ phải gửi về những Sở lưu trữ công văn thuộc Bộ Quốc gia giáo dục để tàng trữ”. Xác định ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng của công tác lưu trữ đối với xã hội và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1229/QĐ – TTg về Ngày truyền thống của ngành Lưu trữ Việt Nam và lấy ngày 03 tháng 01 hàng năm là “Ngày Lưu trữ Việt Nam”.



Thông đạt số 1-C/VP ngày 03/01/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh
yêu cầu phải giữ gìn công văn, tài liệu.

Sau một thời gian xây dựng bộ máy nhà nước, công tác văn thư lần đầu tiên được đề cập một cách có hệ thống trong Điều lệ về công tác công văn giấy tờ và công tác văn thư lưu trữ, ban hành kèm theo Nghị định 142/CP năm 1963 của Chính phủ. Điều lệ nhấn mạnh “Công văn, giấy tờ là một trong những phương tiện cần thiết trong hoạt động của Nhà nước. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ ghi lại các hoạt động về mọi mặt của cơ quan, xí nghiệp cần được giữ gìn để tra cứu và sử dụng khi cần thiết. Cho nên, làm công văn giấy tờ và giữ gìn hồ sơ, tài liệu lưu trữ là hai công tác không thể thiếu được đối với việc quản lý nhà nước”. Hơn 40 năm sau, một bản nghị định mới về công tác văn thư của Chính phủ thay cho

Nghị định 142 được ban hành là Nghị định 110/2004/NĐ – CP ngày 08/7/2004. Nghị định quy định các công việc về soạn thảo, ban hành văn bản; quản lý văn bản và tài liệu khác hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức; quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư. Đây là một Nghị định đầy đủ, có hệ thống, hướng dẫn chi tiết các hoạt động liên quan đến công tác văn thư lưu trữ. Bên cạnh hệ thống văn bản của Nhà nước về công tác văn thư lưu trữ, Quốc hội nước ta cũng đã ban hành nhiều pháp lệnh về công tác văn thư, lưu trữ như Pháp lệnh bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 30/11/1982, Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia ngày 04/4/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với mục tiêu bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ quốc gia; nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân đối với việc bảo vệ, quản lý và sử dụng tài liệu lưu trữ quốc gia. Tại Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội X của Đảng đề ra nhiệm vụ “Bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ”. Để thực hiện nghiêm túc mục tiêu trên, ngày 02/3/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg về “Tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ”. Chỉ thị yêu cầu các cấp, các ngành phải đặc biệt quan tâm, tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý, chỉ đạo, việc bố trí kho lưu trữ tài liệu, hướng dẫn, kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ; kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác văn thư, lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ; bảo đảm kinh phí cho hoạt động lưu trữ. Đặc biệt, ngày 11/11/2011 Luật Lưu trữ được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 2 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2012. Luật Lưu trữ ra đời và có hiệu lực đánh dấu mốc sự kiện quan trọng trong lịch sử xây dựng và phát triển ngành Lưu trữ Việt Nam: Công tác lưu trữ, lĩnh vực hoạt động quan trọng không thể thiếu của bất kỳ nhà nước, cơ quan, tổ chức nào, được thể chế bằng Luật tạo cơ sở pháp lý cao nhất để công tác lưu trữ được quản lý và thực hiện thống nhất; tài liệu lưu trữ được tăng cường bảo vệ phát huy tối đa giá trị đích thực và vốn có. Chính vì vậy thời gian qua các cấp, các ngành, các địa phương đều xếp công tác văn thư, lưu trữ vào một vị trí đặc biệt cần quan tâm.



Luật Lưu trữ ban hành ngày 11/11/2011

Cùng với sự phát triển bộ máy nhà nước qua các thời kỳ, trên thực tế, công tác văn thư lưu trữ trong bộ máy các cấp cũng ngày càng được củng cố, nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Các nghiệp vụ của công tác này ngày càng được quy định một cách cụ thể, đặc biệt là nghiệp vụ xây dựng và quản lý văn bản ở khâu văn thư hiện hành trong các cơ quan cũng như hệ thống tổ chức phục vụ công tác văn thư đã được củng cố một bước. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, lưu trữ hồ sơ đã được triển khai ở nhiều nơi, giúp quản lý văn bản một cách khoa học, chính xác, nhanh chóng, đảm bảo tốt việc bảo quản văn bản, lưu trữ tài liệu.

Ngày nay, tài liệu lưu trữ thông tin quá khứ, tài liệu lưu trữ phong lưu trữ nhà nước Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để nghiên cứu thực hiện các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và Chính phủ về cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Tài liệu lưu trữ, thông tin quá khứ trong tài liệu lưu trữ thuộc phong lưu trữ nhà nước có ý nghĩa to lớn và rất cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn đặt ra trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức Đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp, các cá nhân, các nhà quản lý, các nhà hoạt động chính trị, xã hội, khoa học nghệ thuật và của người dân.

Công tác quản lý nhà nước về hồ sơ, lưu trữ tại tỉnh Đồng Nai trong những năm qua đã đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng, các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính quản lý công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh đã tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý thống nhất công tác văn thư, lưu trữ. Trong đó, công tác hồ sơ, lưu trữ của Công an tỉnh Đồng Nai cũng luôn được quan tâm và không ngừng kiện toàn về mọi mặt. Nhận thức của lãnh đạo và cán bộ chiến sĩ về vị trí, tầm quan trọng của công tác hồ, lưu trữ đã được nâng lên rõ rệt. Hoạt động quản lý hồ sơ, lưu trữ có nhiều tiến bộ, đặc biệt là công tác chỉ đạo và kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ. Công tác hồ sơ, lưu trữ trong Công an tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn từng bước thực hiện đúng quy trình quản lý văn bản, tài liệu được phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị và được chú ý bảo vệ, bảo quản trong kho lưu trữ. Tài liệu lưu trữ đã được tổ chức khai thác, sử dụng góp phần quan trọng vào công cuộc bảo vệ ANQG, TTATXH của Công an Đồng Nai cũng như xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị là trực tiếp đăng ký, quản lý, lưu trữ, tra cứu, khai thác thông tin hồ sơ nghiệp vụ các loại và thông tin về đối tượng. Đồng thời là lực lượng nòng cốt tham mưu Ban Giám đốc trong việc đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện tốt chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ theo đúng quy định, đúng thẩm quyền. Phòng PV27 – Công an Đồng Nai luôn bám sát vào chức năng, nhiệm vụ được giao, luôn tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương, các ban ngành liên quan cho đến từng người dân thuận lợi trong việc liên hệ công tác; phục vụ tốt mọi yêu cầu đề ra và xây dựng được sự tin cậy vững chắc. Phòng PV27 luôn đi đầu trong việc phối, kết hợp với các đơn vị địa phương thực hiện tốt công tác Công an góp phần giữ vững ANCT – TTATXH trên địa bàn tỉnh

nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Đội ngũ cán bộ phòng Hồ sơ của Công an tỉnh từng bước được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hồ sơ, lưu trữ được chú trọng, trình độ chuyên môn của cán bộ hồ sơ, lưu trữ được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Cơ sở vật chất cho hoạt động của phòng Hồ sơ như máy vi tính, máy fax, máy photocopy, máy scan; kho tàng, trang thiết bị bảo quản tài liệu lưu trữ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác văn thư, lưu trữ từng bước được Ban Giám đốc Công an tỉnh quan tâm đầu tư. Vì vậy, thời gian qua phòng PV27 – Công an Đồng Nai luôn đạt được nhiều thành tích cao, nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp như: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an vì “Đã có thành tích xuất sắc trong 07 năm thực hiện Công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác Hồ sơ, tàng thư thông tin nghiệp vụ của lực lượng CSND (2004 – 2011)”; Bằng khen của UBND tỉnh vì “Đã có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua đặc biệt nhân kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống lực lượng Tin học CAND (02/10/1972 – 02/10/2012)”; Bằng khen của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tặng chi bộ PV27 đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” trong 03 năm liền (2007 – 2009),....



Tác giả tại phòng Hồ sơ

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hồ sơ, lưu trữ vì vậy bản thân luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, coi trọng công tác Hồ sơ, không ngừng học hỏi kinh nghiệm quý báu từ Ban lãnh đạo, Ban chỉ huy đội qua các buổi hội thảo, sinh hoạt và giao ban của phòng. Quá trình công tác tại phòng PV27, bản thân học hỏi được rất nhiều kiến thức mới cũng như những kinh nghiệm quý báu, bản thân cũng rất tự hào về bề dày thành tích cũng như tác phong làm việc của cán bộ, chiến sĩ phòng PV27. Tuy nhiên, qua thời gian công tác, học hỏi tại đây, bản thân nhận thấy trong công tác của phòng PV27 còn một số hạn chế sau:

- *Một là*, do đặc thù của phòng PV27 là thường xuyên có sinh viên Đại học, Cao đẳng, Trung học các trường CAND về tăng cường 6 tháng đến một năm do đó, một bộ phận trong số này suy nghĩ công tác hồ sơ, lưu trữ hình như mới có từ một vài năm trở lại đây và đó chỉ là công việc sự vụ, giấy tờ đơn thuần của những người làm văn thư, lưu trữ nên chưa có những hiểu biết, đánh giá đúng về tầm quan trọng của công tác này cũng như chưa quan tâm, chú trọng, đầu tư trong quá trình công tác. Đây là suy nghĩ, là quan niệm chưa đúng khi đánh giá về công tác văn thư, lưu trữ, cần thiết phải được nhìn nhận lại. Cũng với suy nghĩ, công tác hồ sơ, lưu trữ chỉ là công việc sự vụ, giấy tờ, không quan trọng nên không ít người đánh giá không đúng đối với những người làm công tác hồ sơ, lưu trữ mà không biết được rằng họ là những người hy sinh thầm lặng. Chúng ta cứ nhìn vào kết quả A, kết quả B của nhiều người mà quên mất rằng để đạt được những kết quả đó, có phần đóng góp không nhỏ của những người làm hồ sơ, lưu trữ. Để văn bản đến được chuyển giao đúng thời gian, văn bản đi phát hành kịp thời, chính xác; tài liệu lưu trữ được giữ gìn, bảo quản, hệ thống khoa học, thuận lợi cho việc tra cứu, cung cấp thông tin... thì những người làm công tác này luôn nỗ lực, tận tình, cẩn thận, chu đáo, miệt mài nhưng cũng không ít áp lực, khổ cực. Thế nhưng, những đóng góp của họ lại chưa được ghi nhận xứng đáng.

- *Hai là*, đối với một số đơn vị, địa phương, cán bộ trinh sát, cán bộ phụ trách địa bàn, công việc được giao đã giải quyết xong là hết trách nhiệm mà chưa ý thức được rằng phải lập hồ sơ, quản lý đối với những văn bản, tài liệu được hình thành và cũng không nghĩ rằng những tài liệu hôm nay sẽ có giá trị

cho mai sau nên chưa có ý thức trân trọng, bảo vệ những tài liệu đó. Hiện nay, không ít tài liệu được hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức được chất đống, bỏ trong thùng cattong.... Vì thế gây khó khăn cho cán bộ làm công tác đăng ký, nộp lưu, theo dõi hồ sơ của các đơn vị, địa phương.

- *Ba là*, hiện nay công tác tra cứu – trả kết quả cho các đơn vị, địa phương và người dân còn tương đối lòng vòng, phải đi qua “nhiều cửa”, thủ tục hành chính còn gây tốn thời gian, ảnh hưởng đến thời gian trả lời kết quả của phòng Hồ sơ đối với các đơn vị, địa phương và người dân.

- *Bốn là*, Công an tỉnh Đồng Nai là nơi có số lượng hồ sơ chỉ đứng sau Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công an Thành phố Hà Nội, với số lượng hồ sơ lên đến trăm nghìn, nhưng quân số lại rất “mỏng”, hiện nay quân số của đơn vị chỉ có 25 đồng chí và chỉ một số trong số các cán bộ ở phòng được đào tạo bài bản, chuyên sâu về công tác hồ sơ, lưu trữ. Do đó, các cán bộ ngoài việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký, nộp lưu; sắp xếp, phân loại tàng thư hồ sơ, còn phải khăn trương với các yêu cầu tra cứu thông tin của các đơn vị công an nói riêng và các đơn vị khác nói chung phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, xây dựng đảng – chính quyền, bảo vệ chính trị nội bộ.

- *Năm là*, khối lượng công việc hàng ngày của phòng Hồ sơ là rất nhiều từ tra cứu, khai thác, sắp xếp, trả lời cho các đơn vị, địa phương,...; số lượng hồ sơ lưu trữ tại phòng là rất lớn và ngày một tăng lên tuy phòng đã được Ban Giám đốc Công an tỉnh quan tâm, cung cấp cho các trang thiết bị chuyên dụng để tra cứu, lưu trữ và bảo quản hồ sơ nhưng hiện tại các trang thiết bị thực sự chưa đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc cần hoàn thành.

Để khắc phục những hạn chế trên, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

- *Một là*, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò công tác hồ sơ, lưu trữ cũng như vị trí, vai trò của cán bộ làm công tác hồ sơ cho cán bộ chiến sĩ về tăng cường cho phòng PV27 nói riêng và cho toàn thể cán bộ chiến sĩ trong Công an tỉnh Đồng Nai nói riêng. Cần không ngừng thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức Hội nghị, Hội thảo, chuyên đề, giao ban hoặc mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ hồ sơ, lưu trữ. Trước mắt cần tập trung, phổ biến Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 năm 2011, Nghị định số 110/2004/NĐ – CP của Chính phủ về

công tác Văn thư, Nghị định số 09/2010/NĐ – CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ – CP, Thông tư 01/2011/TT – BNV của Bộ Nội vụ về công tác văn thư, lập hồ sơ công việc, giao nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan, quản lý văn bản đi, văn bản đến và hướng dẫn phần mềm chuẩn hóa thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính theo Thông tư 01 của Bộ nội vụ và đặc biệt là các Chỉ thị của Ngành, Bộ trưởng Bộ Công an về công tác hồ sơ, lưu trữ. Bên cạnh đó cần giáo dục các cán bộ chiến sĩ về ý thức bảo mật, bảo vệ các loại hồ sơ, giấy tờ, thông báo nghiệp vụ của phòng PV27.

Tài liệu lưu trữ thực sự có ý nghĩa khi được đưa ra phục vụ, sử dụng thông tin rộng rãi vì nó chứa đựng những tiềm năng về thông tin quá khứ và thông tin dự báo, có độ chính xác cao và có giá trị đặc biệt. Nhờ ý thức giữ gìn, bảo quản tốt tài liệu lưu trữ qua các thời kỳ của các thế hệ đi trước, mà những thế hệ sau mới hiểu được lịch sử của hào hùng của dân tộc, những khó khăn, hy sinh, mất mát mà dân dân ta đã trải qua. Ngày nay, nếu chúng ta không nâng cao ý thức bảo quản, giao nộp, giữ gìn những tài liệu thuộc về cơ quan, tổ chức thì làm sao những người kế cận có thể tìm hiểu được lịch sử hình thành, đóng góp to lớn của cơ quan, tổ chức cho nước nhà nói riêng và các giai đoạn phát triển của đất nước nói chung.

Có thể, theo sự phát triển của khoa học kỹ thuật, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, những văn bản điện tử sẽ được lưu hành, những văn phòng không giấy sẽ hình thành... và công việc tại bộ phận văn thư, lưu trữ sẽ giảm tải nhưng không vì thế mà những người làm công tác hồ sơ, lưu trữ sẽ mất đi vai trò, vị trí trong mỗi cơ quan, tổ chức vì tất cả các văn bản đi, đến dưới hình thức nào cũng phải tập trung về một đầu mối là bộ phận văn thư; tài liệu lưu trữ giấy hay tài liệu điện tử đều được quản lý thống nhất bởi bộ phận lưu trữ.

Qua đó để chúng ta thấy rằng, hồ sơ, lưu trữ là một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức và đó là công việc của cả tập thể chứ không riêng một cá nhân nào. Để đưa công tác này đi vào nề nếp và đạt được những bước tiến dài, rất cần sự thay đổi nhận thức của không ít người, đặc biệt là cấp lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cần sự chung tay, góp sức và sự đánh giá, ghi nhận khách quan của cả tập thể, đừng vì những nhận thức chưa đúng mà

xem nhẹ công tác này và phủ nhận những đóng góp của đội ngũ những người làm hồ sơ, lưu trữ.

- *Hai là*, cần triển khai việc thực hiện cơ chế “một cửa” trong việc giải quyết công việc của cá nhân và các đơn vị trong công an cũng như các đơn vị ở các cơ quan hành chính nhà nước, các cấp chính là cách thức giải quyết công việc của các đơn vị, công dân thuộc thẩm quyền của phòng PV27 từ tiếp nhận yêu cầu, hồ sơ đến, trả lại kết quả thông qua một đầu mối là “bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” tại phòng PV27. Đây là biện pháp nhằm đơn giản, công khai thủ tục hành chính; mẫu hóa thống nhất trong toàn tỉnh các loại giấy tờ mà công dân hoặc các đơn vị cần phải làm khi có yêu cầu giải quyết các công việc về nội bộ, xây dựng đảng, đấu tranh, phòng chống tội phạm; bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho các đơn vị, công dân. Quá trình thực hiện cơ chế “một cửa” cho thấy cần phải có sự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm; thay đổi căn bản về quy trình chuyển hồ sơ, xử lý, trình ký, trả lại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trách nhiệm của các bộ phận có liên quan trong thực hiện cơ chế “một cửa”, trách nhiệm của cán bộ làm việc ở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả... Như vậy, cơ chế “một cửa” cũng đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh công tác hồ sơ cho phù hợp tình hình mới.



Tác giả làm việc tại đội

- *Ba là*, chú trọng công tác tuyển dụng và bố trí cán bộ; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cho cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ.

Cán bộ là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong công tác hồ sơ, lưu trữ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trình độ của cán bộ lưu trữ có tác động trực tiếp đến phương pháp, cách thức tổ chức khoa học tài liệu trong kho lưu trữ cơ quan. Cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao sẽ tìm ra phương pháp phân loại và sắp xếp tài liệu của cơ quan một cách khoa học hợp lý, dễ tra tìm. Ngược lại trình độ cán bộ chuyên môn thấp sẽ ảnh hưởng không tốt đến cách phân loại và sắp xếp tài liệu của cơ quan ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác khai thác và sử dụng tài liệu. Chính vì vậy, việc tuyển dụng và bố trí cán bộ làm công tác lưu trữ ở cơ quan là một việc làm cần thiết cần được sự quan tâm trực tiếp sát sao của lãnh đạo văn phòng và lãnh đạo cơ quan.

Bên cạnh đó việc nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ của phòng PV27 cũng cần được quan tâm sâu sát. Để thực hiện tốt công tác này cần làm tốt các công việc sau:

+ Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng và vị trí việc làm của đội ngũ làm công tác hồ sơ, lưu trữ của phòng PV27 – Công an tỉnh Đồng Nai.

+ Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ chuyên trách.

+ Số lượng cán bộ cần đào tạo mới, đào tạo lại hoặc cần được bồi dưỡng để nâng cao trình độ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh đảm nhận.

Nội dung đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành hồ sơ, lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật, các thông tư, chỉ thị của Ngành, Bộ trưởng Bộ Công an nói riêng và của nhà nước nói chung để cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ làm tốt chức năng, nhiệm vụ đảm bảo đúng, kịp thời mà còn phải có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và lòng yêu nghề. Thiết thực là, thời gian quan Ban Lãnh đạo phòng PV27 đã động viên tất cả các cán bộ chiến sĩ trong phòng làm việc với tinh thần “*Làm hết việc không phải làm hết giờ*”, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường làm thêm giờ, không ngừng gia tăng chỉ tiêu, chất lượng công việc. Bên cạnh đó, cấp ủy lãnh đạo phòng phát động hàng tháng 100% cán bộ chiến sĩ trong phòng đều tham gia làm việc một ngày thứ 7 trong

tháng; đoàn viên thanh niên phát động công trình phần việc thanh niên làm ngày thứ 7 đầu tiên của tháng qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, xung kích của người cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ nhằm đẩy nhanh tiến độ công việc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cấp trên giao phó.



Tác giả tại phòng Hồ sơ

- *Bốn là*, tăng cường cơ sở vật chất cho công tác hồ sơ, lưu trữ cũng như không ngừng tìm tòi, nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học trong công tác hồ sơ, lưu trữ.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác hồ sơ, lưu trữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì việc đầu tư để nâng cấp cơ sở vật chất công tác hồ sơ, lưu trữ cần phải tiếp tục tăng cường hơn nữa như: trang bị đủ bàn, ghế làm việc; máy vi tính, máy fax; tủ, giá kệ đựng tài liệu, hộp bảo quản; các vật phẩm văn phòng cần thiết; kho lưu trữ bảo quản tài liệu, máy hút ẩm, máy hút bụi, báo cháy tự động, bình chữa cháy, nhiệt kế, ẩm kế... tất cả các thiết bị và vật phẩm văn phòng phải được bố trí hợp lý và cố định để dễ sử dụng khi cần thiết. Đồng thời, cần tăng cường tìm tòi, nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác hồ sơ, lưu trữ. Hiện nay, phòng PV27 bước đầu đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lập cơ sở dữ liệu quản lý văn bản đi, quản lý văn bản đến, mã hóa hồ sơ lưu trữ vào hệ thống cơ sở dữ liệu. Tuy

nhiên, thời gian tới cần khai thác tối đa khả năng ứng dụng của công nghệ thông tin vào việc xử lý văn bản, quản lý văn bản, lập hồ sơ trong công tác hồ sơ, quản lý và tra tìm tài liệu lưu trữ để vừa tạo điều kiện quản lý được thông tin phục vụ cho quản lý vừa tiết kiệm được thời gian, công sức và hạn chế khối lượng văn bản ngày càng gia tăng để nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả công việc.



Tác giả tìm thông tin con người

- *Năm là*, cần quan tâm, ban hành các chế độ và thực hiện đúng chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác hồ sơ, lưu trữ.

Để cán bộ hồ sơ, lưu trữ yên tâm gắn bó với nghề nghiệp là phải có chính sách đãi ngộ thích đáng cho đội ngũ cán bộ hồ sơ, lưu trữ cụ thể như: Chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chế độ độc hại, nguy hiểm của ngành Lưu trữ, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại và chế độ trang bị bảo hộ lao động là hết sức cần thiết.

Ngoài ra, do tính chất công việc đòi hỏi đội ngũ cán bộ hồ sơ, lưu trữ phải được bố trí ổn định và việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ hồ sơ, lưu trữ phải hết sức cụ thể, rõ ràng phù hợp với trình độ để cán bộ hồ sơ, lưu trữ phát huy hết năng lực của mình phục vụ cho công việc, góp phần đưa công tác lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ vào lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử từng bước ngày càng khoa học, thống nhất, nâng lên một tầm cao mới về công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ theo đúng quy định của Luật Lưu trữ Việt Nam.

Công tác hồ sơ, lưu trữ là một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức và đó là công việc của cả tập thể chứ không riêng một cá nhân nào. Để đưa công tác này đi vào nề nếp và đạt được những bước tiến dài, rất cần sự thay đổi nhận thức của không ít người, đặc biệt là cấp lãnh đạo các cơ quan, tổ chức. Bên cạnh đó, cần có một đội ngũ cán bộ được đào tạo tốt về chuyên môn, một sự chỉ đạo nhất quán trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và của các cơ quan chức năng chuyên ngành. Đồng thời, phải đổi mới các khâu nghiệp vụ ứng dụng cụ thể như: việc lập hồ sơ các văn bản (hồ sơ hiện hành) phải làm tốt và nghiêm túc; theo dõi giải quyết văn bản phải kịp thời; soạn thảo văn bản phải chuẩn mực, phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, tra tìm văn bản và theo dõi công việc hàng ngày của cơ quan. Giải quyết các vấn đề trên là yêu cầu tất yếu đối với công tác hồ sơ, lưu trữ nước ta trong thời kỳ hội nhập.

Trên đây là nội dung dự thi “Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai năm 2015”, mặc dù đã có sự đầu tư, nghiên cứu nhưng do nhiều lý do khác nhau có thể nội dung còn có những điểm hạn chế nhất định. Bản thân sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai để góp phần nâng cao nhận thức về việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa – lịch sử của tỉnh nhà, nâng cao hơn nữa niềm tin và lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, nêu cao tinh thần, ý chí quyết tâm người sỹ quan an ninh trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai ngày càng giàu mạnh.